**Bài 5. NHỮNG CÂU CHUYỆN HÀI**

 ***(Thời lượng 12 tiết)***

 *Cái hài đánh trúng hơn bất kì vũ khí nào.*

 (Tục ngữ Pháp)

 **MỤC TIÊU BÀI HỌC**

* Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột hành động. nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.
* Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ.
* Nhận biết được câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ và nghĩa hàm ẩn; giải thích được nghĩa của một số câu tục ngữ thông dụng.
* Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống; nêu được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.
* Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.

**A. ĐỌC**

 **Đọc hiểu và thực hành tiếng Việt**

**I. Mục tiêu.**

 **1. Văn bản văn học:**

**+ Đọc hiểu hình thức.**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.

* Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ.

**+ Đọc hiểu nội dung.**

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản, nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài của .. trong tính chỉnh tể của văn bản;

- Nhận biết được chủ đề văn bản;

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản;

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

+ ***Liên hệ, so sánh, kết nối***

- Nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa cách kể, cách ghi chép trong hai văn bản.

 - Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra.

***+ Đọc mở rộng.*** Tìm đọc thêm một văn bản thuộc hài kịch, truyện cười trên mạng Internet.

**2. Thực hành tiếng Việt**: Nhận biết được câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ và nghĩa hàm ẩn; giải thích được nghĩa của một số câu tục ngữ thông dụng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu.**

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về các nhà văn; hình ảnh minh họa cho những chi tiết tiêu biểu ớ các văn bản;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

**-** Đọc trước phần Tri thức ngữ văn; đọc trước các văn bản đọc;

- Tìm hiểu trên mạng Internet về những hài kịch, truyện cười; các tác giả, các tác phẩm có trong hoạt động đọc hiểu;

- Tự ôn tập lại kiến thức về các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản văn học: nói quá

- Đọc kĩ các câu hỏi trong sgk/ các từ khó của mỗi văn bản cuối trang sách;

- Tìm đọc các văn bản văn bản trong chủ đề “Những câu chuyện hài”.

**III. Tổ chức hoạt động Đọc.**

**Tiết 55, 56, 57, 58.**

 **Văn bản 1. TRƯỞNG GIẢ HỌC LÀM SANG**

 ***(Trích,* Mô - li-e*)***

**I. Mục tiêu.**

**+ Đối với văn bản đọc:**

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản *“Trưởng giả học làm sang”*;

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn;

- HS nhận biết và phân tích được xung đột, hành động kịch, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng trong hài kịch. Trích đoạn kịch này biểu hiện xung đột (mầu thuẫn, tương phản) giữa ý muốn học đòi thành quý tộc (hám danh) và sự thiếu hiểu biết, ngớ ngẩn đến mức trở thành trò cười của một nhà buôn (người thuộc tầng lớp bình dân) là ông Giuốc-đanh. Biểu hiện cụ thể của xung đột này chính là hành động đối nghịch của các nhân vật (học đòi đến mức mê muội, sẵn sàng vung tiẽn >< sự láu cá, lợi dụng; tự huyễn hoặc >< chế giễu). Từ các hành động kịch đó, tính cách nhân vật được bộc lộ rõ nét. Lời thoại, các thủ pháp trào phúng cho thấy rõ sức hấp dẫn của hài kịch.

- HS nhận biết được chủ để, thông điệp cùa VB: Đoạn trích nói riêng, vở kịch *Trưởng giả học ỉàm sang* nói chung làm nổi bật sự kì cục, lố lăng của một trưởng giả học đòi làm quý tộc. Qua sự chế giễu thói hám danh của ông Giuốc-đanh trong các lớp kịch này, tác giả khiến cho khán giả có được những tiếng cười sảng khoái. Nhìn tổng quát toàn bộ vỗ kịch, còn thấy sự công kích của tác giả đối với thói hình thức, sự dối trá, lừa lọc của một số người trong giới quý tộc - tầng lớp đã dần trở thành lỗi thời - trong khi ông Giuốc-đanh vẫn đặt niểm tin ngây thơ vào họ.

- Nêu được chủ đề văn bản.

- Viết được đoạn văn (từ 7 đến 9 câu) trình bày suy nghĩ về chi tiết phó may may hoa ngược cho bộ lễ phục của ông Giuốc-đanh. chi tiết may hoa ngược.

**+ Đối với Tiếng Việt:**

- HS nhận biết được cầu hỏi tu từ, phân biệt câu hỏi thông thường và cầu hỏi tu từ, nêu được tác dụng của câu hỏi tu từ trong giao tiếp hằng ngày và trong VB văn học.

- HS biết sử dụng câu hỏi tu từ trong giao tiếp (viết, nói).

hưởng đến cách ứng xử phù hợp.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu.**

 **1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về tác giả.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tổ chức các hoạt động học.**

 **Hoạt động 1. XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ HỌC TẬP**

 **a. Mục tiêu. –** Tạo hứng thú, gây sự tò mò, thích khám phá kiến thức mới cho HS.

 **b. Nội dung.** Hoạt động cá nhân

 **c. Sản phẩm.** Các câu trả lời

 **d. Tổ chức thực hiện.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** Thực hiện h/đ cá nhân xem video sau rồi trả lời câu hỏi sau:

 Khái quát cảm nhận về một diễn viên hài, (một bộ phim, tiểu phẩm, chương trình hài) mà em yêu thích.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ*.** Cá nhân thực hiện.

Dự kiến sản phẩm.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá dẫn dắt chuyển ý.

**Hoạt động 2. KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**

 **Hoạt động 1. Đọc – Tìm hiểu văn bản.**

 **I. Đọc – hiểu văn bản**

 **a. Mục tiêu:**

- Biết cách đọc văn bản, đọc cảm thụ.

 - HS hiểu nghĩa các từ khó; những nét tiêu biểu về tác giả, xuất xứ văn bản; nhận biết đặc điểm

- HS nhận biết và phân tích được xung đột, hành động kịch, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng trong hài kịch. Trích đoạn kịch này biểu hiện xung đột (mầu thuẫn, tương phản) giữa ý muốn học đòi thành quý tộc (hám danh) và sự thiếu hiểu biết, ngớ ngẩn đến mức trở thành trò cười của một nhà buôn (người thuộc tầng lớp bình dân) là ông Giuốc-đanh. Biểu hiện cụ thể của xung đột này chính là hành động đối nghịch của các nhân vật (học đòi đến mức mê muội, sẵn sàng vung tiẽn >< sự láu cá, lợi dụng; tự huyễn hoặc >< chế giễu). Từ các hành động kịch đó, tính cách nhân vật được bộc lộ rõ nét. Lời thoại, các thủ pháp trào phúng cho thấy rõ sức hấp dẫn của hài kịch.

- HS nhận biết được chủ để, thông điệp cùa VB: Đoạn trích nói riêng, vở kịch *Trưởng giả học ỉàm sang* nói chung làm nổi bật sự kì cục, lố lăng của một trưởng giả học đòi làm quý tộc. Qua sự chế giễu thói hám danh của ông Giuốc-đanh trong các lớp kịch này, tác giả khiến cho khán giả có được những tiếng cười sảng khoái.

 - Nêu được chủ đề văn bản.

- Viết được đoạn văn (từ 7 đến 9 câu) trình bày suy nghĩ về chi tiết phó may may hoa ngược cho bộ lễ phục của ông Giuốc-đanh. chi tiết may hoa ngược.

 **b. Nội dung.** Hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ.

 **c. Sản phẩm.** Các câu trả lời trong vở ghi

 **d. Tổ chức thực hiện:**

***1. Đọc tiếp xúc văn bản.***

***a. Đọc văn bản, tìm hiểu từ khó.***

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** (GV lần lượt chuyển giao từng nhiệm vụ)

**-** Thực hiện h/đ cá nhânđọc kĩ phần chú thích (chữ nhỏ) dưới mỗi trang để hiểu nghĩa củ các từ khó.

- Nêu cách đọc văn bản. Hãy đọc văn bản theo cách đọc của em. (*Theo dõi, hình dung, tưởng tượng*)

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.***

Dự kiến sản phẩm.

 - HS nêu cách đọc: diễn cảm, pha chút gấy cười; chú ý giọng từng nhân vật.

 - Giải thích được nghĩa của một số từ khó.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân nêu cách đọc văn bản– đọc mẫu.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

 - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS lắng nghe, không ghi)**

- Cách đọc: Các thẻ chiến lược đọc giúp chú ý theo dõi những chi tiết quan trọng, tưởng tượng khung cảnh, đồng thời có thể suy luận những hàm ý tác giả muốn diễn tả qua việc xây dựng hành động, lời thoại của nhân vật. Có thể phân vai để lần lượt đọc lời thoại của các nhân vật trong đoạn trích.

- Từ khó Chú ý chú thích trang 102, 103 để hiểu nhan đề văn bản, hiểu trang phục của giới quý tộc Pháp thế kỉ XVII. Từ đó nhận biết sự khập khiễng giữa bộ trang phục của ông Giuốc-đanh với những chuẩn mực mà ông ta muốn hướng tới.

***b. Tác giả, tác phẩm.***

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

- Theo dõi phần sau khi đọc, nêu những nét tiêu biểu về tác giả, xuất xứ văn bản.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.***

Dự kiến sản phẩm.

a. Tác giả:

- Mô-li-e (1622 - 1673) tên khai sinh là Jean-Baptiste Poquelin

- Quê quán: Nhà soạn kịch nổi tiếng người Pháp

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác

+ Ông được biết đến với vai trò là nhà thơ, nhà viết kịch, người sáng tạo ra thể loại kịch cổ điển và ông là một bậc thầy của kịch nghệ châu Âu

+ Năm 1655, ông viết vở kịch thơ đầu tiên là “Gàn dở”

+ Đến năm 1672 - 1673 ông viết vở kịch cuối cùng là “Bệnh giả tưởng”

b. Xuẩt xứ văn bản.

- Vở kịch “Trưởng giả học làm sang” gồm có 5 hồi (1670).

- Đoạn trích là toàn bộ lớp 5 kết thúc hồi 2.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

 - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS lắng nghe, không ghi)**

a. Tác giả: - Mô-li-e (1622 - 1673) tên khai sinh là Jean-Baptiste Poquelin

- Quê quán: Nhà soạn kịch nổi tiếng người Pháp

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác

+ Ông được biết đến với vai trò là nhà thơ, nhà viết kịch, người sáng tạo ra thể loại kịch cổ điển và ông là một bậc thầy của kịch nghệ châu Âu

+ Năm 1655, ông viết vở kịch thơ đầu tiên là “Gàn dở”

+ Đến năm 1672 - 1673 ông viết vở kịch cuối cùng là “Bệnh giả tưởng”

b. Xuẩt xứ văn bản.

- Vở kịch “Trưởng giả học làm sang” gồm có 5 hồi (1670).

- Đoạn trích là toàn bộ lớp 5 kết thúc hồi 2.

***2. Đọc chi tiết văn bản.*** (Nội dung cần đạt)

***a. Đọc hiểu nội dung.***

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** Chia sẻ cặp đôi để hoàn thành phiếu học tập sau:

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 |
| Nhân vật chính: |  |
| Xuất thân: |  |
| Mong muốn: |  |
| Hành động: |  |
| Cảm nhận về nhân vật: |  |

**Gợi ý.** –Đọc lướt nhanh văn bản

 - Chú ý các chú thích: trưởng giả, học làm sang. Nhân vật mong muốn mình trở thành người của tầng lớp nào?

 - Nhân vật đã đặt may và mua những trang phục nào để thực hiện mong muón đó?

 - Em cảm nhận vật này là người như thế nào?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.***

Dự kiến sản phẩm.

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 |
| Nhân vật chính: | Giuốc - đanh |
| Xuất thân: | Người bình dân, nhờ làm ăn buôn bán mà giàu có. |
| Mong muốn: | Trở thành quý tộc. |
| Hành động: | Đặt may, mua rồi thử: đôi tất, đôi giày, áo, quần, tóc giả, mũ. |
| Cảm nhận về nhân vật: | Trường giả nhưng học đòi, bắt chước làm sang. |

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân nêu cách đọc văn bản– đọc mẫu.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

 - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS lắng nghe, không ghi)**

- Nhân vật chính: Giuốc - đanh

- Xuất thân: Người bình dân, nhờ làm ăn buôn bán mà giàu có.

- Mong muốn: Trở thành quý tộc.

- Hành động: Đặt may và thử: đôi tất, đôi giày, áo, quần, tóc giả, mũ.

=>Trường giả nhưng học đòi, bắt chước làm sang.

 ***a.1.Bộ trang phục gây cười .*** (Câu 1, 2, 3, 4, 6/T106)

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** Chia sẻ cặp đôi để hoàn thành phiếu học tập sau:

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 |
| Trang phục | Ông Giuốc - đanh | Phó may | Nghệ thuật/Thủ pháp TP |
| Qua lời đối thoại với  | ……………………………………………………………………………… | ……………………………………………………………………………… | ……………………………………………………………………………………… |
| Trang phục | Ông Giuốc - đanh | Ni - côn |  Thủ pháp trào phúng |
| Qua lời nói, hành động của Ni-côn | ……………………………………………………………………………… | ……………………………………………………………………………… | ……………………………………………………………………………………… |
| Nhận xét về nét tính cách của Giuốc- đanh: ………………………………………………………..………………………………………………………………………………………………………. |

**Gợi ý.** - Tìm những từ ngữ đối thoại giữa ông Giuốc –đanh với Phó may khi nhận bộ trang phục, để hiện lên hình ảnh bộ trang phục của ông. Em thấy lời thoại của hai nhân vật như thế nào với nhau? Có bộ trang phục (nhất là cái áo may hoa ngược) có thật ngoài đời không? Tác giả đã dùng thủ pháp nghệ thuật (biện pháp tu từ) gì?

- Ổ Lớp II, Hồi thứ ba, hành động cười của nhân vật Ni-côn cho biết điều gì về bộ trang phục của ông Giuốc-đanh? Nếu em là nhân vật Ni-côn, em có thấy bộ trang phục của ông Giuốc-đanh là đáng cười không? Vì sao?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Các nhóm chia sẻ, tìm chi tiết.

**Dự kiến sản phẩm**.

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 |
| Trang phục | Ông Giuốc - đanh | Phó may | Nghệ thuật/Thủ pháp TP |
| Qua lời đối thoại với Phó may | - Đôi tất lụa chật quá, tôi khổ sở vô cùng mới xỏ chân vào được, và đã đứt mắt hai mắt rồi đấy- Đôi giày bác bảo đóng cho tôi, làm tôi đau chân ghê gớm.- Bộ áo lễ phục ..bác may hoa nguợc mất rồi.- Bộ tóc giả với lông căm mũ có được chỉnh tề không? | - Rồi nó giãn ra, lo lại không rộng quá ấy chứ.- Ngài cứ tưởng tượng ra thế.- Ngài có bảo là ngài muốn may xuôi hoa đâu… Tất cả những người quý phai đều mặc như thế… | - *Đối nghịch trong thoại* biểu hiện ở sự không tương xứng giữa tên gọi và thực chất sự việc (bít tất chật, giày chật, áo hoa ngược >< thợ tài nhất thiền hạ; áo hoa >< bộ lễ phục đẹp nhất triều đình..- *Thủ pháp phóng đại* (cường điệu):bộ trang phục khôi hài, nhưng Giuốc-đanh chấp nhận để cường điệu độ ngây ngô của nhân vật. |
| Trang phục | Ông Giuốc - đanh | Ni – côn |  Thủ pháp trào phúng |
| Qua lời thoại và động của Ni-côn | - Mày cười cai gì?**-** Cái con mất dạy này, làm cái trò gi thế? Mày trêu tao đấy hẳn?- Mày mà còn cười nữa. | - Hí, hi, hi, hi, hi!- Hi, hi, hi! Trông ông ăn mặc đến hay! Hi, hi, hí! - Thưa ông, con không thể nào nhịn được. Hi, hi, hi! | - *Thoại bỏ lửng* do Ni-côn ngắt lời ông chủ bằng tiếng cười hoặc lời xin được cười  |
|  Nhận xét về nét tính cách của Giuốc- đanh: Ông đang muốn trở thành một quý tộc thể hiện sự háo danh. Ông dễ dàng bị những người thợ may láu cá lừa mị, lợi dụng và trở thành trò cười với người hầu. |

\* ***Báo cáo sản phẩm.***  Đại diện các cặp đôi báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

 - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

 **GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu)**

- Khi Giuốc- đanh đối thoại với Phó may là sự đối nghịch, biểu hiện ở sự không tương xứng giữa tên gọi và thực chất sự việc (bít tất chật, giày chật, áo hoa ngược >< thợ tài nhất thiền hạ; áo hoa >< bộ lễ phục đẹp nhất triều đình.

- Thủ pháp phóng đại (cường điệu), lời thoại bỏ lửng do Ni-côn ngắt lời ông chủ, hành động cười hoặc lời xin được cười.

=> Bộ trang phục hiện lên khôi hài, nhưng Giuốc-đanh chấp nhận ông đang muốn trở thành một quý tộc thể hiện sự háo danh đến ngây ngô. Ông dễ dàng bị những người thợ may láu cá lừa mị, lợi dụng và trở thành trò cười với người hầu.

***a.2. Hành động gây cười .*** (Câu 4, 5, 6/T106)

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.***

Chia sẻ cặp đôi để hoàn thành phiếu học tập sau:

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 |
| Khi mặc trang phục  | Thợ bạn  | Ông Giuốc – đanh | Nghệ thuật/Thủ pháp TP |
| Lời chỉ dẫn của tác giả: | ……………………………………………………………………………… | ……………………………………………………………………………… | ……………………………………………………………………………………… |
| Lời đối thoại, hành động của các nhân vật: | …………………………………………………………………………………………………………………………………… | ……………………………………………………………………………………………………………………………………. | ………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |
| Nhận xét về xung đột kịch: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

**Gợi ý.**

- Đọc lại phần cảnh ông Giuốc-đanh mặc trang phục /T103. Chú ý các từ ngữ kể, tả cử chỉ, hành động của nhóm Thợ bạn, ông Giuốc-đanh. Điệu bộ của các nhân vật gợi cảm giác gì?

- Nhóm thợ bạn sử dụng các danh xưng tăng dần cấp độ quý phái, theo đó, ông Giuốc-đanh ban tiền không tiếc tay. Thủ pháp nào được sử dụng? Tác dụng củ thủ pháp nghệ thuật đó là gì?

- Lời đối thoại, hành động của Thợ bạn với ống Giuốc-đanh*:* gọi ông Giuốc-đanh bằng các danh xưng quý tộc (lừa mị bằng danh ảo) >< đắc ý, cho tiển (mất tiẽn thật), đó là yếu tố nào trong hài kịch? - Xung đột kịch hiện lên ở động cơ nào của ông Giuốc-đanh?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Các nhóm chia sẻ, tìm chi tiết.

**Dự kiến sản phẩm**.

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 |
| Khi mặc trang phục  | Thợ bạn  | Ông Giuốc - đanh | Nghệ thuật/Thủ pháp TP |
| Lời chỉ dẫn của tác giả | - Hai chú cởi tuột quần cộc tập võ của lão, và hai chú kia cởi áo lót của lão ra. Rồi họ mặc áo mới vào cho lão | - Đi đi lại lại giữa đám họ và phô áo mới cho họ xem có được không. Tất cả những việc đó làm theo nhịp đàn của tất cả ban hợp xướng. | - Điệu bộ gây cười |
| Lời đối thoại, hành động của các nhân vật | - Ngài có muốn mặc thử áo không? Phải có thể thức chứ.- Bẩm ngài quý tộc…**-** Bẩm tướng công,…- Anh em sẽ đi uống rượu chúc sức khoẻ của đai nhân. | - Có, đưa tôi.- Đây, thưởng cho câu *'Ngài quý tộc!”**-* Này, tướng công ban cho các chú đấy.- Thưởng cho câu “Đại nhân” đây…. | -Thủ pháp tăng tiến: nhóm thợ bạn sử dụng các danh xưng tăng dần cấp độ quý phái, theo đó, ông Giuốc-đanh ban tiền không tiếc tay. |
| Nhận xét về xung đột kịch: Hình thức xung đột ở đây là xung đột giữa khả năng và ý đồ, sự việc và tình huống, hiện lên ở động cơ mong muốn trở thành quý tộc (háo danh) và sự thiếu hiểu biết, mê muội của ông Giuốc-đanh. |

\* ***Báo cáo sản phẩm.***  Đại diện các cặp đôi báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

 - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

 **GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu)**

- Khi mặc trang phục: Tạo ra xung đột kịch, ở đây là xung đột giữa khả năng và ý đồ, sự việc và tình huống, điệu bộ gây cười; thủ pháp tăng tiến: nhóm thợ bạn sử dụng các danh xưng tăng dần cấp độ quý phái, theo đó, ông Giuốc-đanh ban tiền không tiếc tay.

=> Thể hiện mong muốn trở thành quý tộc (háo danh) và sự thiếu hiểu biết, mê muội của ông Giuốc-đanh.

 ***b. Đọc hiểu hình thức.***

 ***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** - Chia sẻ cặp đôi câu yêu cầu sau:

 - “*Trưởng giả học làm sang”* có những đặc điểm hình thức nào cho thấy đó là hài kịch?

**Gợi ý**.

+ Dựa vào Tri thức Ngữ văn, chỉ rõ đặc điểm hình thức của hài kịch.

*Tiếng cười trong “Trưởng giả học làm sang” thể hiện qua những yếu tó nào?*

- Nhân vật chính là kiểu người có tính cách như thế nào?

- Lời đối thoại của các nhân vật có đặc điểm gì?

- Văn bản sử dụng những thủ pháp trào phúng nào?

- Chỉ ra sự xung đột trong hài kịch.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** (GV hướng dẫn HS liệt kê các sự vật, hiện tượng ra giấy nháp)

Dự kiến sản phẩm:

- Nhân vật chính là kiểu người có tính cách khoe mẽ.

- Lời đối thoại của các nhân vật có đặc điểm mang đậm tính khẩu ngữ, đối nghịch.

- Văn bản sử dụng những thủ pháp trào phúng: tạo tình huống kịhc tính; dùng điệu bộ gây cười; thủ pháp phóng đại, thoại bỏ lửng…

- Xung đột trong hài kịch: biểu hiện qua hành động kịch với các sự việc, tình huống gây cười.

=> “*Trưởng giả học làm sang”* có những đặc điểm hình thức của hài kịch.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Đại diện cặp đôi báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

 - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu)**

 - Nhân vật chính là kiểu người có tính cách khoe mẽ.

- Lời đối thoại của các nhân vật có đặc điểm mang đậm tính khẩu ngữ, đối nghịch.

- Văn bản sử dụng những thủ pháp trào phúng: tạo tình huống kịhc tính; dùng điệu bộ gây cười; thủ pháp phóng đại, thoại bỏ lửng…

- Xung đột trong hài kịch: biểu hiện qua hành động kịch với các sự việc, tình huống gây cười.

=> “*Trưởng giả học làm sang”* có những đặc điểm hình thức của hài kịch.

***3. Chủ đề.***

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.***

Thực hiện h/đ cá nhân yêu cầu sau:

-Từ nội dung chính hãy khái quát chủ đề văn bản. Chủ đề văn bản có mối quan hệ như thế nào với chủ đề “Những câu chuyện hài”?

**Gợi ý**.

- Từ tính cách lố lăng của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang, tạo nên tiếng cười cho độc giả.

- Văn bản nhắc nhở người đọc điều gì?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân. (GV sử dụng câu hỏi gợi mở)

Dự kiến sản phẩm.

- Từ tính cách lố lăng của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang, tạo nên tiếng cười cho độc giả; tác giả phê phán thói khoe mẽ của nhiều người, nhắc nhỏ chúng ta bài học về cách sống.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Đại diện cặp đôi báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

 - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS lắng nghe, bổ sung –nếu thiếu)**

**Chủ đề văn bản.**

- Từ tính cách lố lăng của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang, tạo nên tiếng cười cho độc giả; tác giả phê phán thói khoe mẽ của nhiều người, nhắc nhỏ chúng ta bài học về cách sống.

***4.Viết kết nối với đọc.***

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.***

- Thực hiện họat động cá nhân yêu cầu viết kết nối với đọc sgk/T106.

 Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) trình bày suy nghĩ của em về chi tiết phó may may áo ngược hoa trong đoạn trích trên.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** (GV sử dụng câu hỏi gợi mở)

 **Gợi ý.**

- Hình thức. Đảm bảo đoạn văn (viết hoa lùi đầu dòng đến chỗ chấm xuống dòng)

- Nội dung. Trình bày suy nghĩ của em về chi tiết phó may may áo ngược hoa trong đoạn trích trên.

(1) Mở đoạn: Giới thiệu tác giả, đoạn trích, giới thiệu chi tiết

(2) Thân đoạn:

- Vai trò của chi tiết trong việc thể hiện tiếng cười trào phúng.

- Chi tiết gây cười vì sao?

(3) Kết đoạn: Ý nghĩa của chi tiết trong việc góp phần thể hiện chủ đề văn bản.

 Dự kiến sản phảm.

 Chi tiết phó máy may áo ngược hoa trong đoạn trích trên là đoạn có kịch tính cao. Điều đáng buồn cười thứ nhất là lễ phục của Giuốc-đanh được may bằng thứ vải chỉ để dùng may váy áo cho phụ nữ hoặc trẻ con. Điều đáng buồn cười thứ hai là vải hoa thì đương nhiên phải may bông hoa hướng lên trên, nhưng bác phó chẳng biết là do vụng hay do cố tình biến Giuốc-đanh thành trò cười cho thiên hạ nên đã may hoa chúc xuống phía dưới. Giuốc-đanh phát hiện ra điều đó nhưng chỉ cần bác phó may bịa ra chuyện những người quý phải đều mặc như thế này cả là lão chấp nhận ngay. Sau đó, Giuốc-đanh tiếp tục phát hiện ra bác phó may ăn bớt vải của mình khi may bộ lễ phục trước nên lấy lại thế chủ động và trách bác ta. Bác phó may chống đỡ khéo léo: Chẳng là thứ hàng đẹp quá nên tôi đã gạn lại một áo để mặc và gỡ thế bí bằng cách hỏi Giuốc-đanh có muốn mặc thử bộ lễ phục mới không. Bác phó may tinh quái láu lỉnh đã đánh trúng tâm lí Giuốc-đanh đang nôn nóng muốn thành “quý tộc” để phớt lờ chuyện ăn bớt vải của mình.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

 - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá bằng rubric

**Hoạt động 2. Kết nối với Tiếng Việt.**

**II. Thực hành Tiếng Việt.**

1. **Mục tiêu.**

- Học sinh nhận biết được câu hỏi tu từ.

- Học sinh chỉ ra và nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ trong sáng tác văn học

 **b. Nội dung.** Hoạt động cá nhân, cặp đôi.

 **c. Sản phẩm.** Các câu trả lời trong vở ghi.

 **d. Tổ chức thực hiện.**

**1. Nhận biết câu hỏi tu từ.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.***  - Thực hiện h/đ cá nhân yêu cầu sau:

- Thế nào là câu hỏi tu từ? Tác dụng của câu hỏi tu từ là gì?

**Gợi ý**.

-Đọc kĩ Tri thức Ngữ văn/T100; hộp chỉ dẫn /T107.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cặp đôi. (GV sử dụng câu hỏi gợi mở, hướng dẫn những HS còn yếu)

Dự kiến sản phẩm.

- Câu hỏi tu từ là câu hỏi không dùng để hỏi mà dùng để khẳng định, phủ định, bộc lộ cảm xúc,...

*-* Tác dụng. Khác với câu hỏi thông thường, câu hỏi tu từ được sử dụng nhằm đạt một số hiệu quả giao tiếp như tăng sắc thái biểu cảm, biểu đạt ý nghĩa một cách tế nhị, uyển chuyển.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Đại diện cặp đôi báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

 - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS lắng nghe, không ghi)**

- Câu hỏi tu từ là câu hỏi không dùng để hỏi mà dùng để khẳng định, phủ định, bộc lộ cảm xúc,...

*-* Tác dụng. Khác với câu hỏi thông thường, câu hỏi tu từ được sử dụng nhằm đạt một số hiệu quả giao tiếp như tăng sắc thái biểu cảm, biểu đạt ý nghĩa một cách tế nhị, uyển chuyển.

Ví dụ.

a. Cậu không thấy tớ còn nhiều bài tập thể này à? Hình thức là câu hỏi nhưng lại biểu thị sự từ chối (không đi xem phim được).

b. "Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?" dùng hình thức câu hỏi nhưng là để khẳng định (không thể đi chơi ở những nơi kì thú. xa xôi).

**2. Thực hành.**

**Bài 1/T107. Nhận biết câu hỏi tu từ.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.***  - Thực hiện h/đ cặp đôi bài tập 1/T107.

**Gợi ý**.

- Tìm những câu kết thúc bằng dấu chấm hỏi.

- Dựa vào ngữ cảnh, tìm ra ý nghĩa thực sự của câu.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cặp đôi. (GV sử dụng câu hỏi gợi mở, hướng dẫn những HS còn yếu)

Dự kiến sản phẩm.

- Các câu hỏi tu từ: *Đâu có là thế nào? Thế này là thế nào? Lại còn phải bảo cái đó à? Những người quý phái mặc ngược hoa à? Bác cho rằng tôi mặc thế này có vừa sát không? Thế nào?*

- Những câu trên là câu hỏi tu từ bởi:

+ Có đầy đủ hình thức của một câu nghi vấn và luôn có dấu chấm hỏi để kết thúc một câu

+ Câu hỏi tu từ được sử dụng nhằm khẳng định, hoặc nhấn mạnh nội dung, ý nghĩa nào đó mà người nói hoặc người viết muốn biểu đạt đến người khác

+ Thông tin được truyền đạt phải dễ hiểu, dễ tiếp thu đối với người đọc, người nghe

+Thông tin luôn mang ý nghĩa tượng trưng cho một vấn đề nào đó

+ Được dùng theo cách nói ẩn dụ, nhằm thể hiện sắc thái biểu đạt

+ Có thể mang hàm ý phủ định với nội dung được người nói, người viết nhắc đến trong câu

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Đại diện cặp đôi báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

 - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu).**

Các câu kết thúc bằng dấu chấm hỏi nhưng không dùng để hỏi.

- *Đâu có là thế nào? ->*Thể hiện thái độ trách cứ thợ may.

*- Thế này là thế nào? ->*Trách cứ thợ may.

*- Lại còn phải bảo cái đó à?*

*->*Thể hiện thái độ ngạc nhiên và trách cứ thợ may, khẳng định rằng một việc quá hiển nhiên, ai cũng biết huống chi là thợ may, nên không cần phải bảo.

*- Những người quý phái mặc ngược hoa à?* -> Nhằm khẳng định,

*- Bác cho rằng tôi mặc thế này có vừa sát không?*-> Nhằm khẳng định,

*- Thế nào?* -> Nhằm khẳng định.

**Bài 2/T107. Tác dụng câu hỏi tu từ.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.***  - Thực hiện h/đ cặp đôi bài 2/T107.

**Gợi ý**.

 Khi chuyển cầu hỏi tu từ thành cầu kể, cần nhận ra ý nghĩa thông báo thực sự của cầu hỏi tu từ và hiểu tác dụng của việc dùng cầu hỏi tu từ trong từng tình huống. Ví dụ: cầu *“Lại cồn phải bảo cái đó à?”* chuyển thành câu kể *“Điểu này khống cần phải bảo”* Hiệu quả của cầu hỏi tu từ trong trường hợp này là thể hiện thái độ ngạc nhiên, có phần trách cứ.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cặp đôi. (GV sử dụng câu hỏi gợi mở, hướng dẫn những HS còn yếu)

Dự kiến sản phẩm.

- Đâu có thế.

- Thế à.

- Bảo nữa à.

- Những người quý phái mặc ngược hoa.

- Tôi mặc sát như này bác xem đi.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Đại diện cặp đôi báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***  - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá bằng rubric

**GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu)**

- *Đâu có là thế nào? ->* Đâu có thế.

*- Thế này là thế nào? ->* Thế à.

*- Lại còn phải bảo cái đó à? ->* Bảo nữa à.

*- Những người quý phái mặc ngược hoa à?*-> Những người quý phái mặc ngược hoa.

*- Bác cho rằng tôi mặc thế này có vừa sát không?* -> Tôi mặc sát như này bác xem đi.

=> Câu kể làm giảm đi tính gây cười.

**Bài 3/T107. Tác dụng của câu hỏi tu từ.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** - Thực hiện h/đ cặp đôi bài 3/T107.

**Gợi ý**. –Có thể thêm các từ nghi vấn (không) vào mỗi câu. Kết thúc câu dùng dấu chấm hỏi.

a. - Tôi không làm sao đến sớm hơn được, ấy là tôi đã cho hai chục chú thợ bạn xúm lại chiếc áo của ngài đấy.

b. - Hãy thong thả, chú mình. (Mô-i-e, Trưởng giả học lâm sang)

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Cá nhân tự thực hiện vào vở ghi.

Dự kiến sản phẩm.

a. Tôi không biết làm sao có thể đến sớm được đây, tôi có thể cho hai chục chú thợ bạn xúm lại chiếc áo của ngài?

b. Chú mình có thể đi thông thả được không?

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá bằng rubric

**GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu)**

- Câu hỏi tu từ:

a. *“Tối đã cho hai chục chú thợ bạn xúm ỉại chiếc áo của ngài, ỉàm sao mà tối đến sớm hơn được?”.*

b. *“Hãy thong thả, chú mình đi đâu mà vội thế?*

**Bài 4/T107.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** - Thực hiện h/đ cặp đôi bài 4/T107.

**Gợi ý**.

- Chú ý hình thức của 3 câu với các từ nghi vấn: *có phải, phải chăng, có phải, nào*?

- Dấu kết thúc câu.

- Ý nghĩa khẳng định.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Cá nhân tự thực hiện vào vở ghi.

Dự kiến sản phẩm. Ơi ơi người em gái xoã tóc bên cửa sổ! Em yêu mùa xuân có phải vì nghe thấy rạo rực nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chồi mận ở ngoài vườn? Chàng trai kia yêu mùa xuân, phải chăng là tại lúc đôi mùa giao tiễn nhau, chàng tưởng như nghe thấy đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động trong cuộc đổi thay thường xuyên của cuộc đời? Mà người thiếu phụ nọ ở chân trời góc biển yêu mùa xuân có phải là vì đấy là mùa xanh lên hi vọng được trở về nơi bến đợi sông chờ để ngâm lại khúc bạc đầu với người ra đi chưa biết ngày nào trở lại?

(Vũ Bằng, Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt)

Là câu hỏi tu từ dùng trong văn học nhằm tăng sức biểu cảm, gợi ra nhiều ý nghĩa cho câu văn.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá bằng rubric

**GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu)**

- Em yêu mùa xuân có phải vì nghe thấy rạo rực nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chồi mận ở ngoài vườn?

- Chàng trai kia yêu mùa xuân, phải chăng là tại lúc đôi mùa giao tiễn nhau, chàng tưởng như nghe thấy đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động trong cuộc đổi thay thường xuyên của cuộc đời?

- Mà người thiếu phụ nọ ở chân trời góc biển yêu mùa xuân có phải là vì đấy là mùa xanh lên hi vọng được trở về nơi bến đợi sông chờ để ngâm lại khúc bạc đầu với người ra đi chưa biết ngày nào trở lại?

(Vũ Bằng, Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt)

=>Ba câu là câu hỏi tu từ vì ý nghĩa khẳng định.

**Bài 5/T108. Đặt câu hỏi tu từ.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** - Thực hiện h/đ cá nhân bài 5/T108.

**Gợi ý**.

- Đối với tình huống a, bày tỏ cảm xúc về một món quà sinh nhật.

- Đối với tình huống b, có thể lấy ví dụ vẽ một nhân vật trong một tác phẩm văn học đã học đặt cầu hỏi tu từ nhằm bày tỏ suy nghĩ vể nhân vật đó (ví dụ nhân vật Trần Quốc Toản trong truyện *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* đã học ở bài 1).

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Cá nhân tự thực hiện vào vở ghi.

Dự kiến sản phẩm.

a. Món quà này thật là quý giá, chắc mẹ mua khó lắm đúng không?

b. Phải chăng, nếu quân Thánh Dực cho Quốc Toản xuống thuyền thì đâu có chuyện chàng xô mọi người?

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá bằng rubric

**GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu)**

a. Món quà này thật là quý giá, chắc mẹ mua khó lắm đúng không?

b. Phải chăng, nếu quân Thánh Dực cho Quốc Toản xuống thuyền thì đâu có chuyện chàng xô mọi người?

**Hoạt động 3. LUYỆN TẬP.**

**a. Mục tiêu. –** So sánh nhân vật. Vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

 **-** Đưa ra được thông điệp của văn bản.

**b. Nội dung.** Hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm**. Câu trả lời trong vở ghi

**d. Tổ chức thực hiện.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.***  Thực hiện hoạt động cặp đôi câu hỏi 7, 8/T106.

(1) Giả sử em được đóng vai ông Giuốc-đanh để diễn đoạn trích này. em sẽ chọn trang phục, thể hiện dáng vẻ, điệu bộ của nhân vật như thế nào?

(2) Theo em, trong cuộc sống hiện nay còn có những người như ông Giuốc-đanh không? Cho ví dụ.

(3) Văn bản “Trưởng giả học làm sang” gửi đến người đọc thông điệp gì?

**Gợi ý.**

(1) Giả sử em được đóng vai ông Giuốc-đanh để diễn đoạn trích này. em sẽ chọn trang phục, thể hiện dáng vẻ, điệu bộ của nhân vật gây cười hay không gây cười?

(2) Trong cuộc sống hiện nay vẫn có những người như ông Giuốc-đanh. Lấy ví dụ.

(3) Thông điệp nhắc nhở mọi người không nên khoe mẽ…

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** (GV sử dụng câu hỏi gợi mở)

 Dự kiến sản phẩm.

(1)- Trang phục: Chọn những trang phục nhã nhặn, phù hợp với hoàn cảnh, lối sống của mình.

- Dáng vẻ điệu bộ: Thuê thầy dạy mình lễ nghi, kiến thức. Răn đe, chỉnh đốn những tên phó may, thợ phụ nhốn nháo, khôn lỏi, chỉ biết nịnh hót, tranh thủ bòn rút tiền của chủ nhân.

(2) Trong cuộc sống hiện nay còn có rất nhiều người như ông Giuốc-đanh. Đó là những người ưa nịnh, ngu dốt, không biết nhìn nhận lại bản thân…

(3) Thông điệp nhắc nhở mọi người không nên khoe mẽ…

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

 - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**Hoạt động 4. VẬN DỤNG.**

 **a. Mục tiêu.** Đọc thêm văn bản được viết theo thể hài kịch chủ đề giới thiệu những câu chuyện hài

 **-** Chỉ rõ đặc điểm của thể hài kịch thể hiện trong văn bản; nêu chủ đề văn bản.

 **b. Nội dung.** Hoạt động cá nhân

 **c. Sản phẩm.** Câu trả lời.

 **d. Tổ chức thực hiện.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** Lựa chọn một văn bản được viết theo thể hài kịch, chủ đề “NHững câu chuyện hài “, tạo tiếng cười trào phúng- Tóm tắt văn bản.

**-** Chỉ rõ đặc điểm của thể trào phúng thể hiện trong văn bản; nêu chủ đề văn bản.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.*** (GV sử dụng câu hỏi gợi mở)

**IV. Hướng dẫn học bài.**

* Học kĩ bài cũ, chỉ ra những yếu tố cơ bản của thể Hài kịch
* Đọc trước văn bản 2 “Chùm truyện cười dân gian Việt Nam”.

 **\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

 **Tiết 59,60. Văn bản 2. CHÙM TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN VIỆT NAM**

**I. Mục tiêu.**

**+ Đối với văn bản đọc:**

- Nhận biết được một số yếu tố cơ bản cùa truyện cười như cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ. chùm truyện cười dần gian được chọn trong bài học này thuộc loại truyện không kết chuỗi, nhân vật có tính phiếm chỉ, khắc hoạ một nét tính cách nhất định. Bối cảnh thường bị cường điệu. Mỗi tác phẩm đểu có cốt truyện ngắn gọn, tập trung vào một tình huống. Ngôn ngữ truyện mang tính đại chúng, chứa đựng ẩn ý.

- Nhận biết tính chất thẩm mĩ của cái hài, chùm truyện cười trong bài học này thuộc loại truyện cười trào phúng, có nội dung phê phán những thói xấu của con người. Nhận xét được các mức độ của tiếng cười trong chùm truyện cười này (các mức độ đả kích, chầm biếm - mỉa mai, khôi hài - dí dỏm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu.**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Kế hoạch dạy học;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Hình ảnh minh họa.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài..

**III. Tổ chức các hoạt động học.**

 **Hoạt động 1. XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ HỌC TẬP**

 **a. Mục tiêu. –** Tạo hứng thú, gây sự tò mò, thích khám phá kiến thức mới cho HS.

 **b. Nội dung.** Hoạt động cá nhân

 **c. Sản phẩm.** Các câu trả lời

 **d. Tổ chức thực hiện.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** Thực hiện h/đ cá nhân câu hỏi sau:

Xem video về một câu chuyện cười (link <https://youtu.be/yoMQieBJVb8>)

 Hãy nêu tên những câu chuyện cười khác mà em biết.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ*.** Cá nhân thực hiện.

Dự kiến sản phẩm.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá dẫn dắt chuyển ý.

**Hoạt động. KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**

 **Hoạt động 1. Đọc – Tìm hiểu văn bản.**

 **I. Đọc – hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu.** - Biết cách đọc văn bản.

- Nhận biết được một số yếu tố cơ bản cùa truyện cười như cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ. chùm truyện cười dần gian được chọn trong bài học này thuộc loại truyện không kết chuỗi, nhân vật có tính phiếm chỉ, khắc hoạ một nét tính cách nhất định. Bối cảnh thường bị cường điệu. Mỗi tác phẩm đểu có cốt truyện ngắn gọn, tập trung vào một tình huống. Ngôn ngữ truyện mang tính đại chúng, chứa đựng ẩn ý.

- Nhận biết tính chất thẩm mĩ của cái hài, chùm truyện cười trong bài học này thuộc loại truyện cười trào phúng, có nội dung phê phán những thói xấu của con người. Nhận xét được các mức độ của tiếng cười trong chùm truyện cười này (các mức độ đả kích, chầm biếm - mỉa mai, khôi hài - dí dỏm.

- Viết được đoạn văn trình bày suy nghĩ về một tính cách đáng phê phán được nói đến trong những truyện trên.

 **b. Nội dung.** Hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ.

 **c. Sản phẩm.** Các câu trả lời trong vở ghi.

 **d. Tổ chức thực hiện.**

 ***1. Đọc tiếp xúc văn bản.***

 ***a. Đọc văn bản, tìm hiểu từ khó.***

 ***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

**-** Thực hiện h/đ cá nhântheo dõi hộp chỉ dẫn trong sgk. Chú ý các từ khó phía dưới các trang sách.

- Nêu cách đọc mỗi văn bản. Hãy đọc từng văn bản theo cách đọc của em.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân, cặp đôi.

Dự kiến sản phẩm. HS nêu cách đọc: đọc diễn cảm, chú ý từ ngữ, hình ảnh làlowfi kể, lời thoại…

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân nêu cách đọc – đọc mẫu.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV bổ sung thêm.**

- Đọc. Chú ý ngữ điệu đọc phù hợp với truyện cười.

-Từ khó. Lưu ý chú thích: T109

 ***b. Tác giả, tác phẩm.***

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.***

Thực hiện hoạt động cá nhân giới thiệu những điều em biết về tác giả, xuất xứ mỗi văn bản.

**Gợi ý.** Dựa vào phần sau khi đọc.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân, cặp đôi.

Dự kiến sản phẩm. - Tác giả: dân gian.

 - Cả 3 truyện đều trích trong *Kho tàng truyện tiếu lâm Việt Nam.*

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS lắng nghe, không ghi)**

- Tác giả: dân gian. (Lưu ý. Truyện cười thường là truyện dân gian, tuy nhiên củng có câ ở hình thức truyện kể của văn học viết)

- Cả 3 truyện đều trích trong *Kho tàng truyện tiếu lâm Việt Nam.*

***2. Đọc hiểu văn bản.***

***2.1. Đọc hiểu nội dung.***

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** Thực hiện hoạt động cặp đôi câu hỏi 1/T110, bằng cách hoàn thành phiếu học tập sau:

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 |
| Tên truyện | Đức tính bị phê phán  |
| Lợn cưới, áo mới |  |
| Treo biển |  |
| Nói dóc gặp nhau |  |

**Gợi ý.** Đối tượng bị phê phán là những tính xấu, những khiếm khuyết của con người.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân, cặp đôi.

Dự kiến sản phẩm.

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 |
| Tên truyện | Đức tính bị phê phán  |
| Lợn cưới, áo mới | Phê phán tính khoe khoang |
| Treo biển | Phê phán sự thiếu chủ kiến. |
| Nói dóc gặp nhau | Phê phán thói khoác lác. |

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS lắng nghe, không ghi)**

- Lợn cưới, áo mới: Phê phán tính khoe khoang

- Treo biển: Phê phán sự thiếu chủ kiến.

- Nói dóc gặp nhau: Phê phán thói khoác lác.

 ***a. Truyện “Lợn cưới áo mới”***(câu hỏi 2, 3 sgk/T110)

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** - Thực hiện h/đ cá nhân câu hỏi 1, 2 sgk/ T110 bằng cách hoàn thành phiếu học tập sau:

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 |
| Yếu tố | Chi tiết | Hình thức thể hiện |
| Bối cảnh: | ………………………………………………..………………………………………………. | …………………………………………………… |
| Cốt truyện: | ……………………………………………………………………………………………… | …………………………………………………… |
| Ngôn ngữ: | -*Ngôn ngữ kể chuyện*: ……………………..*Ngôn ngữ đối thoại*:………………………… | ……………………………………………………………………………… |
| Tính cách nhân vật chính:…………………………………………………………………………… |

**Gợi ý**.

- Bối cảnh hai nhân vật trong truyện có gì đáng chú ý? Chỉ ra nhân vật chính.

- Cốt truyện tập trung vào sự việc gì? Sự việc ấy gây cười bởi yếu tố nào?

- Tìm chi tiết là ngôn ngữ kể chuyện về cử chỉ hành đông và ngôn ngữ đối thoại về hai nhân vật trong câu chuyện muốn khoe. Theo em, trong ngôn ngữ ấy có ý không? Đó là ẩn ý điều gì?

- Em thấy nhân vật chính bộc lộ tính cách gì?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Cá nhân tự hàn thành và vở. (GV sử dụng câu hỏi gợi mở)

 Dự kiến sản phẩm.

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 |
| Yếu tố | Chi tiết | Hình thức thể hiện |
| Bối cảnh: | - Một anh muốn khoe áo mới, một anh muốn khoe mình có con lợn đề làm đám cưới. | Bị cường điệu (anh có áo đứng sẵn ở cửa chờ có ai đi qua) |
| Cốt truyện: | - Anh có áo - khoe áo mới.- Anh có lợn - khoe lợn cưới. | Có yếu tố gây cười (thừa từ “mới” và “cưới”) |
| Ngôn ngữ: | - *Ngôn ngữ kể chuyện*: mặc áo mới ra cửa đứng mong có ai qua người ta sẽ khen, đứng từ sáng đến chiểu, phanh vạt áo.- *Ngôn ngữ đối thoại*: -Anh có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đay không? –Từ lúc tôi mặc cái áo mới này… | - Ẩn ý khoe. |
| Tính cách nhân vật chính: Anh có áo mới, từ hành động, cử chỉ cho đến lời nói đểu bộc lộ tính hay khoe khoang. |

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá bằng rubric.

**GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu)**

- Bối cảnh: Bị cường điệu (hai anh muốn khoe áo và lợn)

- Cốt truyện: Có yếu tố gây cười (thừa từ “mới” và từ “cưới”)

- Ngôn ngữ: Ẩn ý khoe.

=> Tính cách nhân vật chính: Anh có áo mới, từ hành động, cử chỉ cho đến lời nói đểu bộc lộ tính hay khoe khoang.

***b. Truyện “Treo biển”.*** (câu hỏi 4, 5/T110)

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** - Thực hiện hoạt động cặp đôi câu hỏi 4, 5/T110, bằng cách hoàn thành phiếu học tập sau:

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 |
| Yếu tố | Chi tiết | Hình thức thể hiện |
| Bối cảnh: | ……………………………………………………………………………………………… | ……………………………………………………………… |
| Cốt truyện: | ……………………………………………………………………………………………… | ……………………………………………………………… |
| Ngôn ngữ: | - Ngôn ngữ đối thoại (lời nói*)*: …………………………………………………………..-Ngôn ngữ kể chuyện:…………………….. | ……………………………………………………………………………………………… |
| Tính cách chủ nhà hàng:…………………………………………………………………………… |

**Gợi ý.** Đọc lại phần Truyện cười (Tri thức Ngữ văn)

- Bối cảnh câu chuyện xảy ra ở nhà hàng bán cá. Nhà hàng đã làm gì? Tuy nhiên điều gì đã xảy ra với nhà hàng?

- Tóm tắt cốt truyện. Cốt truyện gây cười bởi tình huống trớ trêu là gì?

- Em thấy ngôn ngữ trong câu chuyện như thế nào?

- Tiếng cười nảy sinh từ tình huống lặp lại, người đọc tự phát hiện ra tính cách của chủ nhà hàng. Em thấy chủ nhà hàng là người như thế nào? (hai truyện còn lại định danh nhân vật bằng tính cách của họ như: anh có tính hay khoe, anh hay nói dóc, còn truyện này nhân vật không có từ ngữ xác định tính cách).

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Cá nhân suy nghĩ, hoàn thành vào vở ->Trao đổi với bạn.

 **Dự kiến sản phẩm.**

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 |
| Yếu tố | Chi tiết | Hình thức thể hiện |
| Bối cảnh:  | -Treo biển bán cá với thông tin đầy đủ.- Bị chê là bỏ bớt chữ trên biển. | Yếu tố bất ngờ (bị chê biển treo lên lập tức thay đổi) |
| Cốt truyện: | - *…sao bây giờ phải đề biển là “cá tươi”*? –> bỏ ngay chữ “tươi”.- …*sao phải đề là “ở đây”?* -> bỏ hai chữ “ở đây”.-…*sao phải đề là ‘có bán”*? -> bỏ hai chữ “có bán”.- …*ai chẳng biết mà còn để biển làm gì nữa* -> cất cái biển đi luôn. | Tình huống trớ trêu (lặp lại nhiều lần – gây cười, cứ bị chê lập tức bỏ bớt chữ, bỏ luôn cả biển) |
| Ngôn ngữ: | -Ngôn ngữ đối thoại (lời nói*):* *Sao bây giờ phải đề biển là “cá tươi”*?*Sao phải đề là “ở đây”?**Sao phải đề là ‘có bán”*?... *ai chẳng biết mà còn để biển làm gì nữa.*-Ngôn ngữ kể chuyện: bỏ ngay chữ “tươi”, bỏ hai chữ “ở đây”, bỏ hai chữ “có bán”, cất cái biển đi luôn. |  Dân dã, dễ hiểu.  |
| Tính cách chủ nhà hàng: là người thiếu chủ kiến. |

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Đại diện cặp đôi báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu)**

- Bối cảnh: Nhà hàng treo biển bán cá với thông tin đầy đủ. Yếu tố bất ngờ (bị chê lập tức thay đổi)

- Cốt truyện: Tình huống trớ trêu (lặp lại nhiều lần – gây cười, cứ bị chê lập tức bỏ bớt chữ, bỏ luôn cả biển)

- Ngôn ngữ: Dân dã, dễ hiểu.

=> Chủ nhà hàng là người thiếu chủ kiến.

***c. Truyện “Nói dóc gặp nhau”.*** (câu hỏi 6, 7/T110)

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** - Thực hiện hoạt động cặp đôi câu hỏi 6,7/T110, bằng cách hoàn thành phiếu học tập sau:

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 |
| Yếu tố | Chi tiết | Hình thức thể hiện |
| Bối cảnh: | ………………………………………………..………………………………………………. | ……………………………….………………………………. |
| Cốt truyện: | ……………………………………………………………………………………………… | ……………………………………………………………… |
| Ngôn ngữ: | - Ngôn ngữ đối thoại (lời nói*)*: ……………………………………………………………-Ngôn ngữ kể chuyện:…………………….. | ……………………………………………………………………………………………… |
|  Tính cách của anh chàng đi xa về làng ………………………………………………………….... |

**Gợi ý.**

- Bối cảnh (thời gian, không gian) xảy ra câu chuyện là ở đâu? Câu chuyện kể trong bối cảnh ấy là câu chuyện kể về cái gì? Câu chuyện đó có bất ngờ không?

- Tóm tắt lời nói của hai nhân vật thể hiện cốt truyện. Theo em, cốt truyện có bị cường điệu không? Vì sao?

- Liệt kê chi tiết là ngôn ngữ (lời nói) của hai nhân vật và ngôn ngữ người kể chuyện. Em thấy ngôn ngữ là lời nói của mỗi nhân vật có thật không? Sự bịa đặt trong lời nói ẩn ý điều gì?

- Tính cách của anh chàng đi xa về làng là gì?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Cá nhân suy nghĩ, hoàn thành vào vở ->Trao đổi với bạn.

 **Dự kiến sản phẩm.**

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4 |
| Yếu tố | Chi tiết | Hình thức thể hiện |
| Bối cảnh: | - Anh đi làm ăn xa lâu ngày vể làng, bà con xúm đến hỏi chuyện lạ phương xa. Anh được dịp trổ tài nói dóc.-Anh nói dóc khác trong làng cũng kể ngay một câu chuyện. | Có yếu tố bất ngờ (ở câu chuyện kể về cái ghe và cây đa) |
| Cốt truyện: | - Cái ghe dài không lấy gi đo cho xiết.Một người tuổi hai mươi đứng ở đầu mũi bắt đầu đi ra đằng lái, đi đến giùa cột buồm tlù đã già, râu tóc bạc phơ, cứ thế đi, đến chết vẫn chưa tới lái.- Một cây cao ghê gớm. Có một con chim đậu tiên cành cây ấy, đánh roi một hột đa. Hột đa rơi xuống lưng chừng gặp mưa, gặp bụi rồi nảy mầm, đâm rễ thành cây đa con….Đa con lớn lên, sinh hoa kết quả, lại nảy ra đan cây đa cháu, cứ thế mãi cho đến khi rơi tới đất thì đã bảy đời tất cả. | Bị cường điệu so với thực tế (cái ghe quá dài, cây đa cao ghê gớm) |
| Ngôn ngữ: | + Ngôn ngữ đối thoại (lời nói) *- Nhiều cái lạ lắm, nhưng lạ nhất là chuyện này: Có một cái ghe dài không lấy gi đo cho xiết.* *- Thế đã lấy chi làm lạ! Tôi đi rùng thấy một cây cao ghê gớm…**- Làm gì có cây cao vậy? Không thể tin được.**- Nếu không có cây cao như thế thì lấy đâu ra gỗ để đóng chiếc ghe của anh?*+ Ngôn ngữ kể chuyện:- Anh đi làm xa về cãi… - Anh kia lúc đó mới cười. | - Ngôn ngữ đối thoại thể hiện sự bịa đặt, hư cấu, ẩn ý toát lên tính cách nhân vật. |
| Tính cách của anh chàng đi xa về làng: nói dóc nhưng bị phát hiện.  |

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Đại diện cặp đôi báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu)**

- Bối cảnh: Anh đi làm ăn xa lâu ngày vể làng, được dịp trổ tài nói dóc. Anh nói dóc khác trong làng cũng kể ngay một câu chuyện -> Có yếu tố bất ngờ (ở câu chuyện kể về cái ghe và cây đa)

- Cốt truyện: Bị cường điệu so với thực tế (cái ghe quá dài, cây đa cao ghê gớm)

- Ngôn ngữ: Lời đối thoại thể hiện sự bịa đặt, hư cấu, ẩn ý toát lên ý nghĩa câu chuyện.

=> Hàm ý: nói dóc thì trước sau cũng bị phát hiện.

**GV bổ sung thêm. (HS lắng nghe, không ghi)**

 Trong văn học dần gian, truyện kể vể “tài” nói dóc khá nhiểu. Nhũng truyện này chủ yếu tạo ra tiếng cười vui, nhưng cũng có truyện có hàm ý phê phán. Truyện *Nói dóc gặp nhau có* chi tiết bất ngờ ở cuối truyện: *“Anh chàng đi xa về nghe thế cãi: - Làm gì có cây cao vậy? Khống thể tin được. / Anh kia ỉúc đó mới cười: - Nếu khống có cây cao như thế thì ỉấy đâu ra gỗ để đóng chiếc ghe của anh?"". Có* lẽ anh chàng đi làm ăn xa vẽ muốn khoác lác vể chuyện phương xa xứ lạ để mọi người trong làng cho vui, nhưng không ngờ lại bị anh chàng nói dóc trong làng bóc mẽ. Bản thần anh cũng không chấp nhận được sự bịa đặt trong lời kể của anh chàng nói dóc trong làng nên buột miệng “cãi” lại. Việc “cãi” này của anh chàng đi xa.

***2.2. Đọc hiểu hình thức.*** (Nội dung cần đạt)

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** Thực hiện hoạt động cặp đôicâu hỏi câu hỏi sau:

 - Dựa vào phần Tri thức ngữ văn, cho biết ba văn bản có đặc điểm hình thức của thê loại truyện cười ? Vì sao? Hãy hoàn thành phiếu học tập sau:

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5 |
| Tên truyện | Các yếu tố |
| Lợn cưới, áo mới | - Bối cảnh:……………………………………………………………………..- Cốt truyện:……………………………………………………………………- Ngôn ngữ:…………………………………………………………………….- Tính cách nhân vật chính:…………………………………………………… |
| Treo biển | - Bối cảnh:…………………………………………………………………….- Cốt truyện: ……………………………………………………………- Ngôn ngữ: ……………………………………………………………….- Tính cách nhân vật chính: ……………………………………………… |
| Nói dóc gặp nhau | - Bối cảnh: ………………………………………………………………..- Cốt truyện: ………………………………………………………………- Ngôn ngữ: ……………………………………………………………….- Tính cách nhân vật chính: ………………………………………………. |

**Gợi ý**. (1) Đọc lại Tri thức Ngữ văn/T100.

(2) Đọc sơ lược lại văn bản, phần *hình thức thể hiện* nội dung đã tìm hiểu rồi trả lời câu hỏi sau:

 - Nhận xét về bối cảnh từng câu chuyện.

 - Nhận xét từng cốt truyện

 - Ngôn ngữ từng câu chuyện có gì độc đáo?

 - Nhân vật chính trong từng câu chuyện bị phê phán vì sao?

 - Vậy ba câu chuyện có đặc điểm hình thức của thể loại nào?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Cá nhân tự hoàn thành vào vở.

**Dự kiến sản phẩm:**

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5 |
| Tên truyện | Các yếu tố |
| Lợn cưới, áo mới | - Bối cảnh: Bị cường điệu (anh có áo đứng sẵn ở cửa chờ có ai đi qua)- Cốt truyện: Có yếu tố gây cười (thừa từ “mới” và “cưới”)- Ngôn ngữ: Ẩn ý khoe.- Tính cách nhân vật chính: Anh có áo mới bị chế giễu bởi tính khoe khoang |
| Treo biển | - Bối cảnh: Yếu tố bất ngờ (bị chê biển treo lên lập tức thay đổi)- Cốt truyện: Tình huống trớ trêu (lặp lại nhiều lần – gây cười, cứ bị chê lập tức bỏ bớt chữ, bỏ luôn cả biển)- Ngôn ngữ: Dân dã, dễ hiểu.- Tính cách nhân vật chính: Chủ nhà hàng thiếu chủ kiến. |
| Nói dóc gặp nhau | - Bối cảnh: Có yếu tố bất ngờ (ở câu chuyện kể về cái ghe và cây đa)- Cốt truyện: Bị cường điệu so với thực tế (cái ghe quá dài, cây đa cao ghê gớm)- Ngôn ngữ: - Ngôn ngữ đối thoại thể hiện sự bịa đặt, hư cấu, ẩn ý toát lên tính cách nhân vật.- Tính cách nhân vật chính: Anh đi xa về làng nói không đúng sự thật. |

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo sản phẩm trong vở ghi.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu)**

- Bối cảnh: Bị cường điệu hoặc có yếu tố bất ngờ.

- Cốt truyện: Có yếu tố gây cười hoặc tình huống trớ trêu.

- Ngôn ngữ: dân dã hoặc ẩn ý khoe.

- Nhân vật chính thường bị chế giễu, gây cười.

=> Ba văn bản có đặc điểm hình thức của thể loại truyện cười.

***3. Chủ đề.***

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.***

- Thực hiện hoạt động cá nhân khái quát lại chủ đề chung của ba văn bản.Chỉ rõ mối quan hệ chủ đề chung của ba văn bản với chủ đề “Những câu chuyện hài”.

**Gợi ý.** Mỗi câu chuyện, dùng tiếng cười nhằm chế giễu điều gì?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Cá nhân tự hoàn thành vào vở.

 **Dự kiến sản phẩm.**

Mỗi câu chuyện, dùng tiếng cười nhằm chế giễu những thói hư tật xấu. những điều trái tự nhiên, trái thuần phong mĩ tục của con người.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá .

**GV kết luận. (HS lắng nghe, không ghi)**

 **Chủ đề.** Mỗi câu chuyện, dùng tiếng cười nhằm chế giễu những thói hư tật xấu. những điều trái tự nhiên, trái thuần phong mĩ tục của con người.

***4.Viết kết nối với đọc.***

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** - Thực hiện họat động cá nhân yêu cầu viết kết nối với đọc sgk/T111.

 **Gợi ý.**

- Hình thức: Đảm bảo đoạn văn trình bày suy nghĩ về một tính cách đáng phê phán được nói đến trong những truyện cười đã tìm hiểu ở trên (viết hoa lùi đầu dòng đến chỗ chấm xuống dòng)

- Nội dung: Một tính cách đáng phê phán được nói đến trong những truyện cười

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** (GV sử dụng câu hỏi gợi mở)

 Dự kiến sản phẩm. Đoạn văn của HS

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

 **GV có thể cho HS tham khảo đoạn văn.**

Truyện cười là sản phẩm sáng tạo của trí tuệ dân gian, được lưu truyền rộng rãi trong quần chúng nhân dân. Truyện cười được sáng tác không chỉ nhằm mang đến tiếng cười giải trí sau những phút giây lao động mệt mỏi mà còn ngầm phê phán những thói hư tật xấu, qua đó gửi gắm những bài học, ý nghĩa vô cùng sâu sắc. Khoe khoang là một trong những hành vi của tính cách con người, nhằm gây ra sự chú ý bằng cách nói ra cái tài, cái giỏi của mình cho người khác biết, hay tìm cách che giấu sự thua kém không bằng người khác. Khoe khoang tuy là một đức tính không thực sự tốt, song trong một số trường hợp cũng mang lại mặt tích cực, nhưng hãy biết cách khoe khoang một cách nhẹ nhàng và tế nhị. Nếu chúng ta phô trương: là quá tự tin, tự kiêu, khoe khoang quá đà, biểu hiện của thói quen xấu. Hình ảnh người phô trương sẽ không được sự tôn trọng của mọi người, thậm chí mọi người coi thường… Những người phô trương sẽ khó nhận được sự tin tưởng, họ chạy theo danh hão và nó cản trở sự thành công của họ…Nếu chúng ta khiêm tốn, thiết thực: là biết mình biết ta, nó là biểu hiện của lối sống chân thực, chân thành, của những phẩm chất cao quý, nó nâng cao giá trị của mỗi con người. Ta sẽ được mọi người trân trọng, đề cao, sẽ có thành công trong cuộc sống. Mỗi cá nhân, bằng những hành động cụ thể, có thể đóng góp cho cộng đồng… không chỉ giúp bản thân nâng cao năng lực, hoàn thiện nhân cách mà còn thúc đẩy xã hội cùng tiến bộ, phát triển..

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Tiết 61,62. Văn bản 3. CHÙM CA DAO TRÀO PHÚNG**

**I. Mục tiêu:**

**+ Đối với văn bản đọc hiểu.**

- Xác định được một số yếu tố trong ca dao trào phúng (đối tượng, chủ đề, thông điệp,…)

- Nhận biết và phân tích được nội dung và nghệ thuật đặc sắc. Những bài ca dao này đểu có yếu tố tự sự, HS cẩn hình dung được sự việc diễn ra (bài 1 là buổi lễ của ông thầy cúng; bài 2 là cuộc thăm viếng của mèo đến nhà chuột; bài 3 là việc thách cưới của nhà gái với anh học trò nghèo). Mỗi bài ca dao đểu có một cầu chuyện lầm điểm tựa. Từ những câu chuyện đó, bằng lối nói của ca dao, HS hiểu thêm vẽ cái hài trong văn học.

**+ Đối với thực hành tiếng Việt:**

- Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

- Nhận biết, hiểu để chỉ ra và giải thích được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

**1. Chuẩn bị của GV**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Hình ảnh minh họa;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học.

**III. Tổ chức các hoạt động học.**

 **Hoạt động XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ**

 **a. Mục tiêu. –** Tạo hứng thú, gây sự tò mò, thích khám phá kiến thức mới cho HS.

 **b. Nội dung.** Hoạt động cá nhân

 **c. Sản phẩm.** Các câu trả lời

 **d. Tổ chức thực hiện.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** Thực hiện hoạt động cá nhân câu hỏi sau:

So sánh tiếng cười trong thơ Đường luật và trong ca dao qua hai văn bản sau:

 - *Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc*

 *Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh*

 *Chong đèn, huyện trưởng làm công việc,*

 *Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.* (Lai Tân, Hồ Chí Minh)

 *- Con mèo mà trèo cây cau*

 *Hỏi thăm chú chuột đi dâu vắng nhà*

 *Chú chuột đi chợ đằng xa*

 *Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo. (Ca dao trào phúng)*

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ*.**

Dự kiến sản phẩm.

Tiếng cười trong thơ Đường luật hài hước sau cay nhưng quy định chặt chẽ vè luật. Tiếng cười trong ca dao dân dã, có cái dí dỏm, bình dân, dễ hiểu.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***- HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá dẫn dắt chuyển ý.

 **Hoạt động KHÁM PHÁ KIẾN THỨC.**

 **Hoạt động 1. Đọc – Tìm hiểu văn bản.**

 **a. Mục tiêu.** - Biết cách đọc văn bản.

- Hiểu được những chú thích quan trọng, những từ khó.

- HS khái quát được những nét tiêu biểu đặc điểm hình thức của ca dao trào phúng.

- Phát hiện và phân tích những chi tiết tiêu biểu thể hiện tiếng cười trong ca dao có yếu tố tự sự,

- Hiểu được chủ đề của văn bản kết nối với chủ đề bài học.

 **b. Nội dung.** Hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ.

 **c. Sản phẩm.** Các câu trả lời trong vở ghi.

 **d. Tổ chức thực hiện.**

 **I. Đọc –hiểu văn bản.**

 **1. Đọc tiếp xúc văn bản.**

  **1.1. Đọc văn bản, tìm hiểu từ khó.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

**-** Thực hiện h/đ cá nhânđọc kĩ chú thích (phần chữ nhỏ) dưới trang 112 để hiểu từ khó.

- Nêu cách đọc văn bản. Hãy đọc văn bản theo cách đọc của em.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân, cặp đôi.

Dự kiến sản phẩm.

+ HS nêu cách đọc: cần đọc to, rõ ràng, pha chút hài hước.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV hướng dẫn lại cách đọc.**

- Chú ý đọc to, rõ ràng, pha chút dí dỏm, hài hước…

**1.2.. Tác phẩm.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

- Đọc kĩ phần cuối văn bản để hiểu xuất xứ văn bản.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.***

Dự kiến sản phẩm.

- Trích trong “*Ca dao người Việt*”, quyển 3.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận, bổ sung thêm (HS nghe, không cần ghi)**

 **Tác phẩm.** - Trích trong “*Ca dao người Việt*”, quyển 3.

**2. Đọc chi tiết văn bản.** (Phân tích)

***a/ Đọc hiểu hình thức:***

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

 (1)Thực hiện hoạt động cặp đôi hoàn thành phiếu học tập sau:

 (2) Theo em, ba văn bản có đặc điểm hình thức của thể loại nào?

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 |
| Yếu tố | Hình thức thể hiện | Tác dụng |
| Số tiếng/dòng/bài | Bài 1………………………………………………Bài 2………………………………………………Bài 3.……………………………………………. | …………………….………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |
| Gieo vần: | Bài 1………………………………………………Bài 2………………………………………………Bài 3.……………………………………………. |
| Yếu tố tự sự: | Bài 1………………………………………………Bài 2………………………………………………Bài 3.……………………………………………. |
| Hình thức thể loại:………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………… |

**Gợi ý.**

- Đếm số tiếng/dòng/bài.

- Liệt kê những tiếng có chức năng gieo vần trong mỗi bài.

- Chỉ ra yếu tố tự sự ở mõi bài (Tóm tắt câu chuyện được kể ở mỗi bài ca dao)

- Tác dụng của việc kể chuyện bằng ca dao là gì? (Tạo tiếng cười nhằm mục đích gì?)

- Chùm ca dao có đặc điểm hình thức của thể loại nào?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.***

Dự kiến sản phẩm.

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 |
| Yếu tố | Hình thức thể hiện | Tác dụng |
| Số tiếng/dòng/bài | Bài 1. Cặp câu 6/8; 4 dòng (2 cặp câu)/bài.Bài 2. Cặp câu 6/8; 4 dòng (2 cặp câu)/bài.Bài 3.Cặp câu 6/8; 4 dòng (9 cặp câu)/bài. |  Mỗi bài ca cao là một câu chuyện làm điểm tựa để tạo tiếng cười phê phán, hài hước. |
| Gieo vần: | Bài 1. *cheng –riêng,* *thầy – đầy –thầy.*Bài 2. *cau – đau*, *nhà – xa – cha.*Bài 3.*trò -lo, sao –vào, sông- công, vào-sao…* |
| Yếu tố tự sự: | Bài 1. Buổi lễ của ông thầy cúng.Bài 2. Cuộc thăm viếng của mèo đến nhà chuột.Bài 3.Việc thách cưới của nhà gái với anh học trò nghèo… |
| Hình thức thể loại: Ca dao trào phúng. |

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS lắng nghe, bổ sung vào vở)**

- Số tiếng/dòng/bài: Cặp câu 6/8; nhiều bài không quy định số câu.

- Gieo vần theo đặc điểm của thơ lục bát

- Yếu tố tự sự: Mỗi bài ca cao là một câu chuyện làm điểm tựa để tạo tiếng cười phê phán, hài hước.

=> Chùm ca dao có đặc điểm hình thức của ca dao trào phúng.

***b. Đọc hiểu nội dung.*** – **Ca dao trào phúng –Những câu chuyện hài.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.***

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP 2 |
| Bài ca dao | Những câu chuyện hài |  Yếu tố trào phúng/Tác dụng |
| Bài 1. | …………………………………………………….…………………………………………………….……………………………………………………. | ……………………………..…………………………….……………………………. |
| Bài 2. |  …………………………………………………….…………………………………………………….……………………………………………………. | ……………………………..…………………………….……………………………. |
| Bài 3. | …………………………………………………….…………………………………………………….……………………………………………………. | ……………………………..…………………………….……………………………. |
| Ý nghĩa của những câu chuyện hài trong ca dao ca dao trào phúng: …………………………….……………………………………………………………………………………………………. |

**Gợi ý.**

(1) Những từ tượng thanh nào được dùng ở bài ca dao? Những từ đó mố phỏng âm thanh gì? Trong những dịp nào thì các gia đình hay chuẩn bị gà, xôi, mời thầy cúng? Em hình dung vể buổi ỉễ như thế nào? Trong tình huống (ngữ cảnh) ấy, thầy cúng làm gì? Có chú tâm đến việc cúng bái không?

Câu chuyện tạo ra tiếng cười vì điều gì?

(2) -Mèo và chuột là hai đối tượng như thế nào với nhau? Trong tình huống này, có thể hiểu mèo đang đi đâu? Tại sao mèo lại hỏi thăm chuột? Câu trả lời của chuột bộc lộ bản chất gì của mèo?

(3) Anh học trò nghèo rơi vào tình huống như thế nào? Liệt kê các thứ thách cưới của nhà gái mà anh học trò nghèo phải chuẩn bị. Những thứ này có trong thực tế không? Bài ca dao tạo tiênsg cười về hủ tục gì trong xã hội xưa?

(4) Những câu chuyện hài trong ca dao ca dao trào phúng tạo tiếng cười phê phán điều gì?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Cá nhân hoàn thành vào vở.

 Dự kiến sản phẩm:

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP 2 |
| Bài ca dao | Những câu chuyện hài |  Yếu tố trào phúng/Tác dụng |
| Bài 1. | - Những từ ngữ như: *chập chập, cheng cheng, thầy, gà, xối.* Bài ca dao dựng ngữ cảnh là một buổi cúng lễ, có âm thanh của chiêng, mõ; có lễ vật là xôi, gà; có thầy cúng.-Thầy cúng trong tình huống này không nhất tâm việc khấn vái, cúng lễ mà chỉ để tâm đến đồ lễ (đồ ăn) | Ngữ cành là buổi lễ cúng: Tạo tiếng cười phê phán thầy cúng tham lam, lừa bịp. |
| Bài 2. | -Mèo và chuột là hai đối tượng không bao giờ chung sống thân thiện vì mèo chuyền săn lùng chuột, chuột là mồi của mèo. -Trong tình huống này, có thể hiểu mèo đang đi săn chuột, nhưng lại giả bộ ân cần hỏi thăm.  | Thủ pháp trào phúng là sự tương phản: Tạo tiếng cười phê phán bộ mặt giả nhân, giả nghĩa của mèo. |
| Bài 3. | - Những thứ anh học trò sẽ đem bán để có tiển dẫn cưới (bể, sông). Bể (biển), sông là những thứ không thuộc sở hữu cá nhân, càng không thuộc vể anh học trò nghèo.- Những thứ đó có giá trị quá lổn so với tầm múc một đám cưới, cũng là nhũng thứ mà anh học trò nghèo không bao giờ có nổi. Thậm chí có những thứ không bao giờ tìm được trong thực tế (ông sao, mỡ muỗi). | Thủ pháp trào phúng là phóng đại, liệt kê, nói quá: Tạo tiếng cười phê phán hủ tục thách cưới năng nề trong xã hội xưa. |
| Ý nghĩa của những câu chuyện hài trong ca dao ca dao trào phúng: Tạo tiếng cười phê phán những thói hư tật xấu, những điều trái với tự nhiên, trái thuần phong mĩ tục của con người. |

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***- HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá bằng rubric

**GV kết luận (HS đối chiếu, bổ sung – nếu còn thiếu ý vào vở ghi)**

- Bài 1. Ngữ cành là buổi lễ cúng: Tạo tiếng cười phê phán thầy cúng tham lam, lừa bịp.

- Bài 2. Thủ pháp trào phúng là sự tương phản: Tạo tiếng cười phê phán bộ mặt giả nhân, giả nghĩa của mèo.

- Bài 3. Thủ pháp trào phúng là phóng đại, liệt kê, nói quá: Tạo tiếng cười phê phán hủ tục thách cưới năng nề trong xã hội xưa.

=> Những câu chuyện hài trong ca dao ca dao trào phúng tạo tiếng cười phê phán những thói hư tật xấu, những điều trái với tự nhiên, trái thuần phong mĩ tục của con người.

***3. Chủ đề.***

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.***

 Thực hiện h/đ cá nhân yêu cầu sau. *Em hãy khái quát chủ đề của chùm ca dao trào phúng. Chỉ ra mối liên hệ chủ đề văn bản với chủ đề bài học.*

**Gợi ý. –** Chùm ca dao giới thiệu cho em biết điều gì?

 - Mỗi bài ca dao là một câu chuyện, câu chuyện đó tạo tiếng cười phê phán điều gì?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.***

 Dự kiến sản phẩm:

 **Chủ đề.**

 Mỗi bài ca dao là một câu chuyện hài, câu chuyện đó tạo tiếng cười phê phán những thói hư tật xấu, những điều trái với tự nhiên, trái thuần phong mĩ tục của con người.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá bằng rubric

**GV kết luận. (HS đối chiếu, bổ sung – nếu còn thiếu ý vào vở ghi)**

**Chủ đề.** Mỗi bài ca dao là một câu chuyện hài, câu chuyện đó tạo tiếng cười phê phán những thói hư tật xấu, những điều trái với tự nhiên, trái thuần phong mĩ tục của con người.

**Hoạt động 2. Thực hành tiếng Việt.**

**II. Thực hành tiếng Việt.**

 **a. Mục tiêu.**

- Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

- Nhận biết, hiểu để chỉ ra và giải thích được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu

 **b. Nội dung.** Hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm

 **c. Sản phẩm**. Câu trả lời trong vở ghi

 **d. Tổ chức thực hiện.**

**1. Nhận biết nghĩa tường minh và hàm ẩn.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.***

 ***-*** Thực hiện h/đ cá nhân dọc kĩ phần Tri thức ngữ văn về nghĩa tường minh và hàm ẩn của câu.

 - Đọc kĩ hộp chỉ dẫn/T113 nhận biết nghĩa tường minh và hàm ẩn của câu.

**Gợi ý.**

- Thế nào là nghĩa tường minh và hàm ẩn?

- Sử dụng nghĩa hàm ẩn có tác dụng gì?

- Cần lưu ý những gì khi sử dụng nghĩa hàm ẩn?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** (GV sử dụng câu hỏi gợi mở)

**Dự kiến sản phẩm.**

1/ Khái niệm.

- Nghĩa tường minh là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu

- Nghĩa hàm ẩn là nghĩa được suy ra từ nghĩa tường minh của cả câu, từ nghĩa của từ ngữ trong câu và từ ngữ cảnh cách sử dụng câu.

2. Ví dụ

- Trong giao tiếp bằng ngôn từ, có những ý nghĩa được hiển thị ngay trên từ ngữ (nghĩa tường minh) và có những ý nghĩa ngầm chứa, cần phải suy luận mới biết được (nghĩa hàm ẩn).

+ *Có những nghĩa hàm ẩn tuỳ thuộc ngữ cảnh*.

 Ví dụ: Ngày mai tôi đi Hà Nội.

 Có thể hiểu là: “Ngày mai tôi không gặp mặt với nhóm được", nhưng cũng có thể hiểu: “Anh có cần gửi gì cho người thân ở Hà Nội thì tôi sẽ mang giúp cho .... Những nghĩa này tuỳ thuộc vào nội dung trao đổi trước đó giữa người nói (người viết) và người nghe (người đọc).

+ Có những nghĩa hàm ẩn không tuỳ thuộc vào ngữ cảnh.

Ví dụ:- Nó lại đi Đà Lạt.

 Câu này cho biết một người nào đó đi Đà Lạt, và nhớ từ lại mà ta có thể suy ra trước đó người này đã từng đi Đà Lạt. Nghĩa hàm ẩn này được suy ra từ nghĩa của từ ngữ ở trong câu, chủ không tuỳ thuộc vào ngữ cảnh.

• Nghĩa hàm ẩn giúp chuyền tải nhiều điều ý nhị, kín đáo, sâu xa....; làm cho giao tiếp ngôn từ được uyển chuyển, phong phú, thú vị. Đặc biệt, trong văn học, các nội dung, thông điệp mà tác giả muốn chuyển tải thường được thể hiện dưới hình thức nghĩa hàm ẩn.

Ví dụ: Chuột chù chê khỉ răng hồi/ Khỉ mới trả lời: Cả họ may thơm (Ca dao)

 Chuột chù và khi đầu là các loài có mùi hôi. Nhưng chuột chù lại cho khi trong khi chính mình cùng hôi. Nghĩa tường minh trong câu trả lời của khỉ là lời khen, nghĩa hàm ẩm thể hiện sự mỉa mai chuột chù. Câu ca dao có hàm ý phê phán những người không tự biết cái xấu của mình mà còn đi chê bai người khác.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS lắng nghe, không ghi)**

1/ Khái niệm.

- Nghĩa tường minh là nghĩa được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu

- Nghĩa hàm ẩn là nghĩa được suy ra từ nghĩa tường minh của cả câu, từ nghĩa của từ ngữ trong câu và từ ngữ cảnh cách sử dụng câu.

2. - Trong giao tiếp bằng ngôn từ, có những ý nghĩa được hiển thị ngay trên từ ngữ (nghĩa tường minh) và có những ý nghĩa ngầm chứa, cần phải suy luận mới biết được (nghĩa hàm ẩn).

+ *Có những nghĩa hàm ẩn tuỳ thuộc ngữ cảnh*.

 Ví dụ: Ngày mai tôi đi Hà Nội.

 Có thể hiểu là: “Ngày mai tôi không gặp mặt với nhóm được", nhưng cũng có thể hiểu: “Anh có cần gửi gì cho người thân ở Hà Nội thì tôi sẽ mang giúp cho .... Những nghĩa này tuỳ thuộc vào nội dung trao đổi trước đó giữa người nói (người viết) và người nghe (người đọc).

+ Có những nghĩa hàm ẩn không tuỳ thuộc vào ngữ cảnh.

Ví dụ:- Nó lại đi Đà Lạt.

 Câu này cho biết một người nào đó đi Đà Lạt, và nhớ từ lại mà ta có thể suy ra trước đó người này đã từng đi Đà Lạt. Nghĩa hàm ẩn này được suy ra từ nghĩa của từ ngữ ở trong câu, chủ không tuỳ thuộc vào ngữ cảnh)

- Nghĩa hàm ẩn giúp chuyền tải nhiều điều ý nhị, kín đáo, sâu xa....; làm cho giao tiếp ngôn từ được uyển chuyển, phong phú, thú vị. Đặc biệt, trong văn học, các nội dung, thông điệp mà tác giả muốn chuyển tải thường được thể hiện dưới hình thức nghĩa hàm ẩn.

**b. Thực hành.**

**Bài 1/T113. Nhận biết nghĩa hàm ẩn.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.***

 - Chia sẻ cặp đôi bài 1/T113: nhận biết nghĩa hàm ẩn.

 **Gợi ý.** Đọc kĩ sơ đồ tóm tắt sau rồi diễn đạt nghĩa hàm ẩn của câu trả lời.

****

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** (GV sử dụng câu hỏi gợi mở)

**Dự kiến sản phẩm.**

 Câu trả lời của nhân vật chứng kiến cuộc thăm: *“Chú chuột đi chợ đường xa/ Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo”.* Chỉ ra hoạt động đi chợ của chuột, nhưng thực ra chứa hàm ý vẽ cái chết của cha con mèo. chết thi mới có giỗ. Vậy có thể hiểu đây là lời nguyên rủa, tiếng chửi, sự vạch mặt của dân gian đối với những kẻ đạo đức giả.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu)**

- Câu trả lời của nhân vật chứng kiến cuộc thăm: *“Chú chuột đi chợ đường xa/ Mua mắm mua muối giỗ cha con mèo”.*

- Chỉ ra hoạt động đi chợ của chuột, nhưng thực ra chứa hàm ý vẽ cái chết của cha con mèo chết thi mới có giỗ.

=>Có thể hiểu đây là lời nguyên rủa, tiếng chửi, sự vạch mặt của dân gian đối với những kẻ đạo đức giả.

**Bài 2/T113. Nhận biết nghĩa hàm ẩn.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** - Chia sẻ cặp đôi bài 2/T113.

**Gợi ý.**

*‘‘Cưới em ba chum mật ong/ Mười thúng mỡ muỗi ba nong quýt đẫy...”* là lời đáp của anh. học trò nghèo trước việc thách cưới của bên nhà gái. Số lượng lễ vật rất lớn (ba chum, mười thúng, ba nong). Vể lễ vật, ngoài thứ khó nhưng vẫn có thể kiếm được như mật ong, quýt thì mỡ muỗi là thứ không thể có được. Vì vậy, đây có thể coi là sự vô vọng, là sự đẩu hàng của anh học trò. Nghĩa hàm ẩn ở đây là gì? (Có thể suy ra nhiều nghĩa hàm ẩn khác nhau)

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** (GV sử dụng câu hỏi gợi mở)

**Dự kiến sản phẩm.**

*-‘‘Cưới em ba chum mật ong/ Mười thúng mỡ muỗi ba nong quýt đẫy...”*

=> Nghĩa hàm ẩn:

+ Anh không thể đáp ứng được sự thách cưới của nhà gái,

+ Hoặc nhà gái thách cao là sự đánh đố đối với anh,

+ Hay anh muốn mang đến nhiẽu lễ vật để cưới em nhưng sức anh không làm được,...

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu)**

*-‘‘Cưới em ba chum mật ong/ Mười thúng mỡ muỗi ba nong quýt đẫy...”*

=> Nghĩa hàm ẩn:

+ Anh không thể đáp ứng được sự thách cưới của nhà gái,

+ Hoặc nhà gái thách cao là sự đánh đố đối với anh,

+ Hay anh muốn mang đến nhiẽu lễ vật để cưới em nhưng sức anh không làm được,...

 **Bài 3/T113. Nhận biết nghĩa hàm ẩn.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.***

 - Chia sẻ cặp đôi bài 3 /T113.

**Gợi ý.**

***a. Con gà sống lớn để riêng cho thầy.***

- Nghĩa tường minh cùa câu này là phần lễ vật thầy cúng muốn dành riêng cho mình là con gà sống lớn. Đặt câu này trong bối cảnh buổi lễ linh thiêng đang diễn ra, hàm ẩn của câu này chỉ thầy cúng là người như thế nào?.

b. ***Vì tất cả những người quý phái đều mặc như thế này cả.***

- Nghĩa tường minh của câu này là những người quý phái đểu mặc áo ngược hoa. Trong tình huống thợ may may áo ngược hoa cho ông Giuốc-đanh và bị ông phát hiện, đầy là cầu nói dối để chống chế. Nhưng vì phó may ranh ma biết được ông Giuốc-đanh muốn học đòi theo lối trang phục của quý tộc, nên đã biết cách đánh trúng tâm lí, làm ông Giuốc-đanh không còn chú ý đến khiếm khuyết của trang phục, dễ dàng chấp nhận cái áo ngược hoa. Lúc này, những gì liên quan đến quý tộc sẽ dễ có được sự đồng thuận giữa phó may và khách hàng. Nghĩa hàm ẩn chỉ ông Giuốc-đanh là người thế nào?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** (GV sử dụng câu hỏi gợi mở)

**Dự kiến sản phẩm.**

***a. Con gà sống lớn để riêng cho thầy.***

- Nghĩa tường minh cùa câu này là phần lễ vật thầy cúng muốn dành riêng cho mình là con gà sống lớn.

**-** Nghĩa hàm ẩn: ông thầy cúng tham ăn.

b. ***Vì tất cả những người quý phái đều mặc như thế này cả.***

- Nghĩa tường minh của câu này là những người quý phái đểu mặc áo ngược hoa.

- Nghĩa hàm ẩn:

+ Anh thợ may ám chỉ việc ông Giuốc-đanh muốn làm quý tộc.

+ Người nói cũng có ý giễu cợt một cách kín đáo: ông không thể thành quý tộc được khi một quy cách thông thường vẽ lễ phục quý tộc như vậy mà cũng không biết.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

 - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu)**

***a. Con gà sống lớn để riêng cho thầy.***

- Nghĩa tường minh cùa câu này là phần lễ vật thầy cúng muốn dành riêng cho mình là con gà sống lớn.

**-** Nghĩa hàm ẩn: ông thầy cúng tham ăn.

b. ***Vì tất cả những người quý phái đều mặc như thế này cả.***

- Nghĩa tường minh của câu này là những người quý phái đểu mặc áo ngược hoa.

- Nghĩa hàm ẩn:

+ Anh thợ may ám chỉ việc ông Giuốc-đanh muốn làm quý tộc.

+ Người nói cũng có ý giễu cợt một cách kín đáo: ông không thể thành quý tộc được khi một quy cách thông thường vẽ lễ phục quý tộc như vậy mà cũng không biết.

**Bài 4/T113. Nhận biết nghĩa hàm ẩn.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** Chia sẻ cặp đôi bài 4 /T113.

**Gợi ý.**

(1) Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, giàu hình ảnh, có ý nghĩa hầm súc, thường lấy cái cụ thể để diễn đạt những cái trừu tượng, dùng cái cá biệt để nói cái phổ biến. Tục ngữ thường có nghĩa đen và nghĩa bóng. Để hiểu được nhũng thông điệp mà tục ngữ gửi gắm, cẩn ‘giải mã” được các hình ảnh, các lối nói bóng bẩy của nó. Nghĩa là từ hình tượng cụ thể, từ nghĩa đen, nghĩa tường minh, đi đến nhận thức ý nghĩa khái quát, trừu tượng, nghĩa bóng, nghĩa hàm ẩn.

(2) Các câu tục ngữ.

*a .Có tật giật mình.*

- Nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ là những người có khiếm khuyết, hoặc mắc lỗi lầm khi nghe người khác nhắc đến nhũng khiếm khuyết hoặc lỗi lầm đó (dù không phải nhằm đến mình) thì thế nào?

*b. Đời ngươi có một gang tay*/ *Ai 'hãy ngủ ngày, còn có nửa gang.*

Câu tục ngữ so sánh chiểu dài của đời người với chiểu dài của gang tay. Những người ngủ dậy muộn hoặc ngủ nhiễu vào ban ngày, không dành thời gian cho công việc và các hoạt động sống khác thì coi như chỉ sống nửa cuộc đời (nửa gang). Câu tục ngữ chê trách những người có thói quen gì?

*c.Cười người chớ vội cười ỉâu*./ *Cười người hôm trước, hôm sau người cười.*

 Trong cuộc sống, không phải lúc nào mọi thứ cũng thuận lợi, tốt đẹp. Có khi, con người phải mang những khiếm khuyết, hoặc có lúc gặp bất trắc, thất bại, xui xẻo. Vì vậy, hàm ẩn của câu tục ngữ là gì?

*d.Lời nói gói vàng.*

 Lời nói của con người rất quý giá, cần phải làm gì để lời nói có giá trị?

*e.Lưỡi sắc hơn gươm.*

*Lưỡi* tượng trư'ng cho hoạt động ngôn ngũ của con người. *Gươm* tượng trưng cho vũ khí có khả năng sát thương người khác. So sánh *lưỡi sắc hơn gươm* có tác dụng khẳng định điều gì?

**Lưu ý***: Ở* các phần b, c, d, e của bài tập này, cũng có thể tìm những ngũ cảnh cụ thể để khai thác thêm nghĩa hàm ẩn của các cầu tục ngữ.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** (GV sử dụng câu hỏi gợi mở)

**Dự kiến sản phẩm.** Nghĩa hàm ẩn của các câu tục ngữ:

*a .Có tật giật mình.*

- Những người có khiếm khuyết, hoặc mắc lỗi lầm khi nghe người khác nhắc đến những khiếm khuyết hoặc lỗi lầm đó (dù không phải nhằm đến mình) cũng chột dạ, sợ hãi nghĩ là họ nói mình.

*b. Đời ngươi có một gang tay*/ *Ai 'hãy ngủ ngày, còn có nửa gang.*

- Những người ngủ dậy muộn hoặc ngủ nhiễu vào ban ngày, không dành thời gian cho công việc và các hoạt động sống khác thì coi như chỉ sống nửa cuộc đời (nửa gang) =>Chê trách những người lười biếng, lãng phí thời gian.

*c.Cười người chớ vội cười ỉâu*./ *Cười người hôm trước, hôm sau người cười.*

- Đừng cười nhạo người khác khi họ rơi vào những hoàn cảnh như vậy, vì rất có thể chính mình trong tương lai cũng sẽ lầm vào tình cảnh tương tự.

*d. Lời nói gói vàng.*

- Lời nói của con người rất quý giá, cần trau chuốt để lời nói của mình có tác dụng tốt đối với người khác (lời khuyên tốt, lời động viên kịp thời, lời chia sẻ chân tình, lời răn dạy quý báu,...).

*e.Lưỡi sắc hơn gươm.*

*-* Khẳng định sức mạnh của lời nói: lời nói có thể làm thương tổn còn hơn gươm giáo. Những lời độc địa có thể làm hại người khác. Đôi khi, trong những tình huống nhất định (ví dụ như đấu tranh xã hội), lời nói có tác dụng hơn vũ khí thông thường.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

 - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu)**

Nghĩa hàm ẩn của các câu tục ngữ:

*a .Có tật giật mình.*

- Những người có khiếm khuyết, hoặc mắc lỗi lầm khi nghe người khác nhắc đến những khiếm khuyết hoặc lỗi lầm đó (dù không phải nhằm đến mình) cũng chột dạ, sợ hãi nghĩ là họ nói mình.

*b. Đời ngươi có một gang tay*/ *Ai 'hãy ngủ ngày, còn có nửa gang.*

- Chê trách những người lười biếng, lãng phí thời gian.

*c.Cười người chớ vội cười ỉâu*./ *Cười người hôm trước, hôm sau người cười.*

- Đừng cười nhạo người khác khi họ rơi vào những hoàn cảnh như vậy, vì rất có thể chính mình trong tương lai cũng sẽ lầm vào tình cảnh tương tự.

*d. Lời nói gói vàng.*

- Lời nói của con người rất quý giá, cần trau chuốt để lời nói của mình có tác dụng tốt đối với người khác (lời khuyên tốt, lời động viên kịp thời, lời chia sẻ chân tình, lời răn dạy quý báu,...).

*e.Lưỡi sắc hơn gươm.*

*-* Lời nói có thể làm thương tổn còn hơn gươm giáo. Những lời độc địa có thể làm hại người khác. Đôi khi, trong những tình huống nhất định (ví dụ như đấu tranh xã hội), lời nói có tác dụng hơn vũ khí thông thường.

**Hoạt động LUYỆN TẬP**

 **a. Mục tiêu. -** HS đưa ra được thông điệp của bản.

 - Vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

 **b. Nội dung.** Hoạt động cá nhân.

 **c. Sản phẩm**. Câu trả lời trong vở ghi

 **d. Tổ chức thực hiện.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** Thực hiện h/đ cá nhân yêu cầu sau:

- Từ *“Chùm ca dao trào phúng*”, tác giả dân gian gởi đến người đọc thông điệp gì?

- Em làm gì để không phải chứng kiến những tiếng cười mỉa mai, chê trách?

**Gợi ý.**

- Câu chuyện trong mỗi bài ca dao nhắc nhở chúng ta điều gì?

- Em sẽ làm gì để không phải chứng kiến những tiếng cười mỉa mai, chê trách? (Rèn luyện nhân cách sống…)

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (HS theo dõi, không cần ghi)**

**(1) Thông điệp.** Hãy có những hành động, cách ứng xử cho phù hợp với phẩm chất, đạo đức tốt đẹp của con người để không phải nghe những tiếng cười mỉa mai, chê trách.

**(2) Vận dụng.** Để không phải chứng kiến những tiếng cười mỉa mai, chê trách, em phải rèn luyện nhân cách sống…

***\* HS tiếp nhận, về nhà thực hiện nhiệm vụ.*** (GV quan sát giúp đỡ HS yếu kém)

**Hoạt động VẬN DỤNG. (ĐỌC MỞ RỘNG)**

**a. Mục tiêu.** Tìm đọc thêm những văn bản ca dao trào phúng.

**b. Nội dung.** Hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm học tập.** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** - Thực hiện h/đ cá nhân yêu cầu sau:

Tìm đọc trên mạng internet những văn bản ca dao trào phúng có yêu tố tự sự kể về thói hư, tật xấu của con người.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.*** Hoạt động cá nhân

**IV. Hướng dẫn học bài.**

 - Học kĩ bài cũ, chỉ ra cách thể hiện chủ đề “Những câu chuyện hài” trong các thể loại khác nhau.

 - Đọc trước hoạt động viết.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

 **Tiết 63, 64, 65. B. VIẾT**

**Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống**

**(Một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)**

**I.Mục tiêu.**

***\* Quy trình viết:***

- Biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Nêu được và làm rõ được vấn đề nghị luận: một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại

- Trình bày được ý kiến phê phán, nêu rõ lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở.

- Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của bản thân

***\*Thực hành viết:*** – Vận dụng viết được một bài văn đúng với yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống, biết cách tự chỉnh sửa bài viết.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu.**

**1. Chuẩn bị của GV:**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**

- Đọc trước hoạt động viết/T114 đến T118

**III. Tổ chức các hoạt động học.**

**Hoạt động 1. XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ HỌC TẬP**

 **a. Mục tiêu. –** Tạo hứng thú, gây sự tò mò, thích khám phá kiến thức mới cho HS.

 **b. Nội dung.** Hoạt động cặp đôi.

 **c. Sản phẩm.** Các câu trả lời

 **d. Tổ chức thực hiện.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** Thực hiện h/đ cá nhân sâu hỏi sau:

- Quan sát những hình ảnh về một số tệ nạn trong xã hội ngày nay, trả lời câu hỏi sau:

*Em có suy nghĩ gì về ảnh hưởng của những tệ nạn đó đối với xã hội hiện nay?*

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân.

- Dự kiến sản phẩm. HS tự chia sẻ sản phẩm của mình

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá, dẫn dắt chuyển sang hoạt động khác.

**Hoạt động KHÁM PHÁ KIẾN THỨC.**

**Hoạt động 1. Yêu cầu cảu bài văn tả cảnh sinh hoạt.**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu chung về kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)

**b. Nội dung:** Hoạt động cá nhân, cặp đôi, cả lớp…

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**I. Yêu cầu đối với kểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)**

**1. Yêu cầu chung.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** Nêuyêu cầu chung về kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)

**Gợi ý**. Đọc kĩ hộp chỉ dẫn/T114.

 *Trong bài viết bài nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại), người viết cần phải làm gì?*

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân.

Dự kiến sản phẩm. Yêu cầu chung về kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)

- Nêu được vấn đề nghị luận.

- Làm rõ vấn đề nghị luận (giải thích vấn đề đời sống được bàn luận).

- Trình bày được ý kiến phê phán của người viết, nêu rõ lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở.

- Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết.

- Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo việc lựa chọn đề tài.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**GV kết luận. (Hộp chỉ dẫn /T114, HS không ghi)**

 **Yêu cầu chung về kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)**

- Nêu được vấn đề nghị luận.

- Làm rõ vấn đề nghị luận (giải thích vấn đề đò sống được bàn luận).

- Trình bày được ý kiến phê phán của người viết, nêu rõ lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở.

- Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết.

- Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học.

**2. Phân tích bài viết tham khảo.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** - Thực hiện hoạt động cả lớp đọc bài viết tham khảo/T114, 115.

 Chia sẻ hoạt động cặp đôi những câu hỏi sau:

*- Bài viết nêu ra vấn để gì? Vấn để được nêu ở phần nào của bài viết?*

- *Vấn để nêu ra được hiểu như thế nào? Vi sao vấn để đó đáng phê phán?*

- *Làm thế nào để ỷ kiến phê phán của mình có sức thuyết phục?*

- *Liệu có ý kiến nào không đổng tình với ý kiến phê phán của người viết khống?*

**Gợi ý**. - Đọc kĩ các hộp chỉ dẫn /T114, 115.

- Vấn đề nghị luận thể hiện quan điểm của người viết là câu nào trong đoạn 1?

- Bài viết làm rỗ các khía cạnh cùa vấn đề được nêu ra để phê phán bằng cách nào?

+ Tìm những câu văn chứng minh thực trạng đó đang xảy ra.

+ Những câu văn chứng minh tác hại của thực trạng đó.

+ Những câu văn nào phân tích nguyên nhân dẫn đến thực trạng?

- Đối thoại với ý kiến khác bằng cách tưởng tượng ra ý kiến không đồng tình với ý kiến của người viểt thể hiện quan những câu văn nào? Người viết đã dùng lí lẽ, bằng chứng nào để bác bỏ ý kiến trái với quan điểm của mình?

- Tìm những câu văn nêu suy nghĩ của người viết về vấn đề bàn luận và bài học người viết rút ra cho bản thân.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân.

**Dự kiến sản phẩm**.

*- Bài viết nêu ra vấn để gì? Vấn để được nêu ở phần nào của bài viết?*

 Bài viết để cập đến hành vi chen lấn, xô đẩy như một thói quen xấu của con người trong hoạt động cộng đồng. Vấn để được nêu ngay trong phần Mở bài của bài viết.

*- Vấn để nêu ra được hiểu như thế nào? Vi sao vấn để đó đáng phê phán?*

Bài viết làm rỗ các khía cạnh cùa vấn đề được nêu ra để phê phán:

 + Thực trạng của hành vi chen lấn, xô đẩy.

 + Hậu quả của hành vi chen lấn, xô đẩy.

 + Nguyên nhân của hành vi chen lấn, xô đẩy.

*- Làm thế nào để ỷ kiến phê phán của mình có sức thuyết phục?*

 + Sử dụng lí lẽ và bằng chứng cụ thể. Bài viết tham khảo đã dựa vào thực tế cuộc sống để chỉ ra những đặc điểm của thói quen chen lấn, xô đẩy nơi công cộng và những hậu quả của nó.

 + Phân tích các khía cạnh, nêu hậu quả của vấn để, đi sầu các ý để tăng sức thuyết phục. Bài viết tham khảo đã phân tích thực trạng, nguyên nhân của thói quen chen lấn, xô đẩy; đặc biệt nhấn mạnh vào hậu quả của thói quen này (gây ra nhiễu hệ lụy, thậm chí dẫn đến thảm kịch nhiều người chết).

 + Bằng chứng được dẫn từ thực tế cuộc sống xung quanh và trong sách báo, in-tơ-nét, ... Bài viết tham khảo đã nêu những hiện tượng trong thực tế xã hội ở Việt Nam và các hiện tượng chấn động trên thế giới mà nguyên nhân là do chen lấn, xô đẩy.

*- Liệu có ý kiến nào không đổng tình với ý kiến phê phán của người viết khống?*

 Người viết dự đoán ý kiến không đồng tình với quan điểm của mình để đối thoại với ý kiến đó, lật đi lật lại vấn để để một lần nữa khẳng định thái độ phê phán của mình.

=> Bài viết tham khảo đã nêu ý kiến biện minh cho sự chen lấn, xô đẩy như hiện tượng này có thể coi là một nghi thức lễ hội, hoặc những trường hợp đặc biệt không xếp hàng. Trên cơ sở này, bài viết đưa thêm lập luận để khẳng định ý kiến của người viết: đây chỉ là những hiện tượng cá biệt, còn nhìn chung vẫn phải tôn trọng quy tắc trật tự nơi công cộng.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Đại diện báo cáo việc tìm ý

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá bằng rubric.

 **GV kết luận. (HS bổ sung vào vở, nếu thiếu)**

- Vấn đề bàn luận, quan điểm của người viết: “*Tôi hiểu, đó chính là hiện tượng chen lấn, xô đẩy nơi công cộng-một thói quen xấu đang tồn tại trong cuộc sống của chúng ta*”

- Bài viết làm rỗ các khía cạnh cùa vấn đẽ được nêu ra để phê phán:

 + Chứng minh thực trạng của hành vi chen lấn, xô đẩy và tác hại của hành vi đó bằng các luận cứ

+ Dùng lí lẽ, bằng chứng phân tích nguyên nhân dẫn đến hành vi chen lấn, xô đẩy.

*-* Người viết dự đoán ý kiến không đồng tình với quan điểm của mình để đối thoại với ý kiến đó, lật đi lật lại vấn để để một lần nữa khẳng định thái độ phê phán của mình.

=> Bài viết tham khảo đã nêu ý kiến biện minh cho sự chen lấn, xô đẩy như hiện tượng này có thể coi là một nghi thức lễ hội, hoặc những trường hợp đặc biệt không xếp hàng. Trên cơ sở này, bài viết đưa thêm lập luận để khẳng định ý kiến của người viết: đây chỉ là những hiện tượng cá biệt, còn nhìn chung vẫn phải tôn trọng quy tắc trật tự nơi công cộng.

**3. Thực hành viết theo các bước.**

 **3.1. Trước khi viết.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

Đểviết nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại

 *- Trước khi viết tường trình cần phải xác định điều gì?*

 *- Khi thực hành viết cần lưu ý những gì?*

**Gợi ý. –** Đọc kĩ hộp chỉ dẫnT116.

 - Có những vấn đề nào là thói quen xấu có thể viết thành bài văn nghị luận?

 - Chọn được đề tài rồi, tìm ý cần trả lời cho những câu hỏi nào?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.***

Dự kiến sản phẩm.

- Trước khi viết cần xác định: Mục đích viết, người đọc.

**a. Lựa chọn đề tài**. Có thể lựa chọn một trong các đề tài sgk/T116.

- Sự tuỳ tiện khi tham gia giao thông của một số người dân.

- Thói kiêu ngạo, thích chơi trội của một bộ phận thanh thiếu niên.

- Thói lười nhác, hay than vãn.

- Sự ba phải, thiếu chủ kiến khi làm việc nhóm.

- Thói ích kỉ.

- Lối sống ảo mà một sô' người đang theo đuổi.

**b. Tìm ý.**

*- Vấn đề được nêu ra là gì?*

*- Vấn đề đó được hiểu như thế nào? Vì sao nó đáng phê phán?*

- *Làm thế nào để ý kiến phê phán của mình có sức thuyết phục?*

*- Liệu có ý kiến nào không đồng tình với ý kiến phê phán của mình không?*

**c. Lập dàn ý.**

(1) Mở bài. – Nêu (gọi tên) vấn đề nghị luận (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại), quan điểm của người viết về vấn đề đó.

(2) Thân bài.

*- Làm rõ vấn đề nghị luận* (Giải thích vấn đề - nếu cần)

*- Trình bày ý kiến phê phán, nêu lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở*. (Dùng lí lẽ, bằng chứng chứng minh thực trạng đó đang diễn ra, chỉ rõ tác hại của thực trạng đó; phân tích nguyên nhân dẫn đến thực trạng để khẳng định sự phê phán của mình là có cơ sở)

*- Nêu ý kiến không đồng tình (giả định) với ý kiến của luận với ý kiến đó*. (Tưởng tượng ý kiến đồng tình với thói xấu trong xã hội, người viết đưa ra lí lẽ, bằng chứng bác bỏ ý kiến đồng tình với thói xấu để bảo vệ ý kiến mình)

(3) Kết bài: Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học. (Người viết một lần nữa khẳng đinh vấn đề đó – thói xấu bị phê phán là đúng; rút ra bài học cho bản thân người viết)

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

**GV kết luận (HS lắng nghe, không ghi)**

**1. Trước khi viết cần xác định:**

- Trước khi viết cần xác định: Mục đích viết, người đọc.

**a. Lựa chọn đề tài**. Có thể lựa chọn một trong các đề tài sgk/T116.

- Sự tuỳ tiện khi tham gia giao thông của một số người dân.

- Thói kiêu ngạo, thích chơi trội của một bộ phận thanh thiếu niên.

- Thói lười nhác, hay than vãn.

- Sự ba phải, thiếu chủ kiến khi làm việc nhóm.

- Thói ích kỉ.

- Lối sống ảo mà một sô' người đang theo đuổi.

**b. Tìm ý.**

*- Vấn đề được nêu ra là gì?*

*- Vấn đề đó được hiểu như thế nào? Vì sao nó đáng phê phán?*

- *Làm thế nào để ý kiến phê phán của mình có sức thuyết phục?*

*- Liệu có ý kiến nào không đồng tình với ý kiến phê phán của mình không?*

**c. Lập dàn ý.**

(1) Mở bài. – Nêu (gọi tên) vấn đề nghị luận (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại), quan điểm của người viết về vấn đề đó.

(2) Thân bài.

*- Làm rõ vấn đề nghị luận* (Giải thích vấn đề - nếu cần)

*- Trình bày ý kiến phê phán, nêu lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở*. (Dùng lí lẽ, bằng chứng chứng minh thực trạng đó đang diễn ra, chỉ rõ tác hại của thực trạng đó; phân tích nguyên nhân dẫn đến thực trạng để khẳng định sự phê phán của mình là có cơ sở)

*- Nêu ý kiến không đồng tình (giả định) với ý kiến của luận với ý kiến đó*. (Tưởng tượng ý kiến đồng tình với thói xấu trong xã hội, người viết đưa ra lí lẽ, bằng chứng bác bỏ ý kiến đồng tình với thói xấu để bảo vệ ý kiến mình)

(3) Kết bài: Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học. (Người viết một lần nữa khẳng đinh vấn đề đó – thói xấu bị phê phán là đúng; rút ra bài học cho bản thân người viết)

**3. 2. Viết bài.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

 Dựa trên dàn ý đã lập ở tiết trước, viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)

**Gợi ý**. Khi viết bài em cần chú ý

- Lí lẽ cần sáng rõ, chặt chẽ.

- Các bằng chứng cần đa dạng, xác thực. Nếu cả những trải nghiệm của bản thân (nếu có)

- Khi phê phán cần sử dụng lời lẽ đúng mực.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.***

Dự kiến sản phẩm.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

**GV kết luận (HS lắng nghe, không ghi)**

**3. 3. Chỉnh sửa bài viết.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** Thực hiện hoạt động cá nhân tự chỉnh sửa bài viết của mình.

**Gợi ý.** Đối chiếu bài viết của em với yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại), chỉnh sửa những chỗ cần thiết sao cho:

- Vấn đề nghị luận được nếu một cách rõ ràng, được giải thích đầy đủ, toàn diện.

- Ý kiến phê phán được nếu một cách mạch lạc, chắc chắn, lí lẽ xác đáng và bằng chứng thuyết phục.

- Ý kiến phê phán được khẳng định trên cơ sở đối sánh với các quan điểm khác về vấn đề.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.***

Dự kiến sản phẩm.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

**GV kết luận (HS lắng nghe, không ghi)**

**Hoạt động 3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời trong vở

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** - Thực hiện hoạt động cặp đôi chia sẻ, trả lời câu hỏi sau:

*Khái quát lại quy trình viết một bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)*

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cặp đôi

GV theo dõi, hỗ trợ nhắc nhở HS. + Em có thể vẽ, viết bằng các màu mực khác nhau.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Đại diện cặp đôi báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***

 - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá.

**Hoạt động 4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Hoạt động cặp đôi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

- Thực hiện hoạt động cá nhân, chia sẻ với người thân trong gia đình về một vấn đề (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đai)

***\* HS tiếp nhận về nhà thực hiện nhiệm vụ.***

**IV. Hướng dẫn học bài.**

- Nắm vững quy trình viết viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)

- Thực hành viết viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)

- Đọc trước phần nói và nghe.

- Chuẩn bị bài viết để thực hành trong tiết nói và nghe.

 \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

 **Tiết 65. C. NÓI VÀ NGHE**

 **Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống**

**(Một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)**

**I. Mục tiêu.**

***\* Nói:*** Biết trình bày ý kiến (dưới hình thức thuyết trình), bảo vệ ý kiến vể vấn đề đời sống

(Một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại), trên cơ sở hiểu biết, trải nghiệm của bản thân và kết quả của hoạt động viết trước đó.

***\* Nghe:*** Biết lắng nghe, trao đổi, phản biện, đối thoại với những ý kiến khác biệt trên tinh thần học hỏi, xây dựng, tôn trọng

***\* Nói nghe tương tác:*** Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết đặt câu hỏi và trả lời, biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu.**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**

- Đọc trước hoạt động nói và nghe

- Lập kế hoạch nói về tình cảm của con người với quê hương.

**III. Tổ chức các hoạt động học.**

**Hoạt động 1. XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ HỌC TẬP.**

 **a. Mục tiêu.** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học**.**

 **b. Nội dung.** Hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi.

 **c. Sản phẩm.** Các câu trả lời

 **d. Tổ chức thực hiện.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** Thực hiện h/đ cá nhân câu hỏi sau:

 *Theo em, con người có thể thay đổi những thói hư, tật xấu để xã hội tốt đẹp hơn hay không? Nếu là em, em sẽ làm gì để thay đổi điều đó?*

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân.

- Dự kiến sản phẩm.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá, dẫn dắt chuyển sang hoạt động khác.

**Hoạt động 2. KHÁM PHÁ KIẾN THỨC.**

**Hoạt động 1. Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1. Trước khi nói.**

 **a. Chuẩn bị nội dung nói.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** - Thực hiện h/đ cá nhân đọc kĩ hộp chỉ dẫn (sgk/T118), trả lời câu hỏi: *Trước khi nói, em cần phải làm gì?*

**Gợi ý**. (1) Cần xác định vấn đề gì? Em sẽ chuẩn bị nội dung nào để nói? Có thể chọn một trong những nội dung sau:

- Dựa vào kết quả đã thực hiện ở phần Viết, hãy lập một dàn ý ngắn gọn cho bài nói bao gồm các phần Mở đầu, Triển khai, Kết luận và thể hiện được các ý chính ở mỗi phần

- Gạch dưới những ý em dự định sẽ nhấn mạnh trong bài nói.

- Nếu nội dung bài nói tương tự những vấn đề đã đề cập trong các văn bản của phần Viết (thói khoe khoang, sự thiếu chủ kiến, thói khoác lác, thói đạo đức giả, ...), em có thể dựa vào đó để bổ sung bằng chứng.

- Tìm kiếm các thông tin từ sách báo tranh ảnh phương tiện nghe nhìn (nếu có) ... để minh hoạ vấn đề.

 (2) Lập dàn ý.

- Vấn đề em trình bày: ……………………………………. ………………….

- Li do em trình bày về vấn đề này:

+ Giải thích vấn đề………………………………………………………………….

+ Thực trạng của vấn đề, tác hại ………………………………………………….

+ Nguyên nhân: …………………………………………………………………

- Nêu ý kiến không đồng tình (giả định) với ý kiến của luận với ý kiến đó…………………

- Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học………………………………………….....

 ***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân.

 Dự kiến sản phẩm.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân báo cáo.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***  - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá bằng rubric.

**GV kêt luận.(HS lắng nghe, không cần ghi)**

 Chuẩn bị nội dung nói:

- Dựa vào kết quả đã thực hiện ở phần Viết, hãy lập một dàn ý ngắn gọn cho bài nói bao gồm các phần Mở đầu, Triển khai, Kết luận và thể hiện được các ý chính ở mỗi phần.

- Gạch dưới những ý em dự định sẽ nhấn mạnh trong bài nói.

- Nếu nội dung bài nói tương tự những vấn đề đã đề cập trong các văn bản của phần Viết (thói khoe khoang, sự thiếu chủ kiến, thói khoác lác, thói đạo đức giả,...), em có thể dựa vào đó để bổ sung bằng chứng.

- Tìm kiếm các thông tin từ sách báo tranh ảnh phương tiện nghe nhìn (nếu có) ... để minh hoạ vấn đề.

 (2) Lập dàn ý.

- Vấn đề em trình bày: ………………………………………………………. ……

- Li do em trình bày về vấn đề này:

+ Giải thích vấn đề…………………………………………………………………….

+ Thực trạng của vấn đề, tác hại ………………………………………………………….

+ Nguyên nhân: ………………………………………………………………………

- Nêu ý kiến không đồng tình (giả định) với ý kiến của luận với ý kiến đó…………….

- Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học……………………………………..

**b. Tập luyện.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**  Tập nói một mình -> Nói trước người thân -> Nói trước bạn bè.

 - Tự điều chỉnh ngữ điệu, kiểm soát thời gian.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân, cặp đôi.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Từng cá nhân trình bày sản phẩm.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***  - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói.**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**2. Trình bày bài nói.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

 - Thực hiện h/đ cá nhân đọc kĩ những lưu ý khi trình bày bài nói (sgk/T119)

**Gợi ý.**

***2.1. Người nói.***

a. Mở đầu. Có thể bắt đầu bằng một câu hỏi hoặc một hình ảnh, câu chuyện, tinh huống,... dể tạo không khí sinh động, hào hứng.

b. Triển khai*.*

- Lần lượt trình bày các ý được chuẩn bị sẵn trong đề cương bài nói.

- Tránh quá tập trung vào một ý nào đó làm bố cục của bài nói bị mất cân đối, gây khó khăn cho việc đảm bảo thời gian nói theo quy định.

- Cần sử dụng ngôn ngữ nói tự nhiên (chỉ nén nhìn vào đé cương khi phải dản nguyên văn một ý kiến nào đó hay khi phải néu các số liệu khó nhớ).

- Cần quan sát những phản ứng của người nghe để tập trung vào một khía cạnh nào đó của vấn đề đang được người nghe đặc biệt chú ý và có thể có ý kiến khác.

- Sử dụng cử chỉ, điệu bộ và biểu lộ cảm xúc phù hợp với nội dung trình bày.

- Các thao tác sử dụng bàn trình chiếu (nếu có) phải được thực hiện gọn gàng, dứt khoát.

c. Kết luận

- Tóm lược nội dung đã trình bày.

- Hướng người nghe vào các hoạt động cụ thể, thiết thực nhằm bảo vệ và phát huy những giá trị văn hoá truyén thống.

***2.2. Người nghe.***

- Lắng nghe theo dõi để nắm bắt ý kiến của người nói về vấn đề. Chú ý những chỗ người nói nhấn mạnh hoặc những từ khoánhững thông tin được lặp lại nhiều lần trong bài nói

- Ghi tóm tắt nội dung trình bay của người nói. Bản tóm tắt cần thể hiện đầy đủ. chính xác những nội dung chính trong bài nói. Các thông tin này cần ghi ngắn gọn, rõ ràng, được trình bày kết hợp với các kí hiệu tạo sơ đồ tóm tắt văn bản (gạch đầu dòng, gạch nóimũi tên, ...). Ghi chú những thác mắc hoặc những suy nghĩ riêng của mình vào bản tóm tắt nhằm chuẩn bị cho phần trao đổi

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động cá nhân.

 Dự kiến sản phẩm.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Từng cá nhân trình bày sản phẩm.

+ GV mời HS xung phong.

+ GV có thể mời 2 HS yếu trình bày trước – 2 HS trung bình – 1 HS khá – 1 HS giỏi

\* ***Đánh giá sản phẩm.***  - HS đánh giá lẫn nhau – phản biện.

 - GV đánh giá bằng rubric (Mục D)

**Hoạt động 3. Trao đổi về bài nói.**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**3. Sau khi nói.**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.**

- Thực hiện h/đ cá nhân đọc kĩ gợi ý đánh giá bài nói (sgk/T119)

- Đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn.

->Người nói và người nghe trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

- Vấn đề được nói tới có sát hợp với cuộc sống của con người trong xã hội hiện nay không?

- Ý nghĩa thiết thực của vấn đề được trình bày là gì?

- Nội dung và cách trình bày của người nói (thái độ, giọng nói, các phương tiện hỗ trợ, khả năng tương tác với người nghe, ...) có thuyết phục không?

- Ý kiến trao đổi của người nghe có tác dụng làm rõ hơn vấn đề hoặc bổ sung cho vấn đề người nói trình bày không?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Hoạt động nhóm.

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Đại diện nhóm báo cáo kết quả đánh giá.

\* ***Đánh giá sản phẩm.***  - GV tổng hợp, đánh giá.

**Hoạt động 3. LUYỆN TẬP.**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ*.** - Thực hiện h/đ cá nhân yêu cầu sau:

Từ chủ đề “Những câu chuyện hài”, nói cho thầy/cô và các bạn nghe suy nghĩ của em về tiếng cười trong hài kịch, những gcaau chuyện ngụ ngôn, ca dao trào phúng.

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.*** Cá nhân thực hiện vào vở ghi.

 **-** Tập nói một mình

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân trình bày lại vấn đề mình đã lựa chọn.

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** - HS đánh giá lẫn nhau bằng phiếu đánh giá.

 - GV tổng hợp, đánh giá.

**Hoạt động 4. VẬN DỤNG.**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, rèn kĩ năng nói trước chỗ đông người.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ.*** Trình bày cho người thân nghe một câu chuyện hài có ý nghĩa phê phán thói hư tật xấu trong xã hội hiện đại.

***\* HS tiếp nhận và về nhà thực hiện nhiệm vụ.***

\* ***Báo cáo sản phẩm.*** Cá nhân trình bày lại của mình

\* ***Đánh giá sản phẩm.*** – Cá nhân tự đánh giá.

– Người thân trong gia đình đánh giá.

**IV. Hướng dẫn học bài.**

- Về nhà thực hiện phần củng cố, mở rộng và thực hành đọc (sgk/T120-123)

 - Đọc trước bài. Ôn tập học kì I

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**D. HỒ SƠ KHÁC**

 **1. Bảng kiểm quan đánh giá hoạt động Đọc.**

 **a/ Đánh giá quá trình đọc hiểu** (Dùng để hỏi), đánh giá thường xuyên hoạt động đọc của HS.

 GV đánh dâu X vào ô tương ứng (*1: chưa bao giờ; 2: Hiếm khi; 3: Thỉnh thoảng; 4: Thường xuyên*)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn bị trước khi đọc bài mới** | **1** | **2** | **3** | **4** |
| - Chuẩn bị các phương tiện tốt nhất để đọc bài mới |  |  |  |  |
| - Học thuộc bài cũ trước khi lên lớp |  |  |  |  |
| - Đọc bài mớ, tài liệu thầy/ cô yêu cầu. |  |  |  |  |
| - Đọc bài mới, tài liệu ngay cả khi thầy/cô không yêu cầu. |  |  |  |  |
| **Cách đọc bài trước khi học** |  |  |  |  |
| - Đọc lươt qua bằng cách thật nhanh cho xong bài |  |  |  |  |
| - Đọc thành tiếng |  |  |  |  |
| - Đọc nhưng chỉ quan tâm đến nội dung liên quan, đến những câu hỏi cần chuẩn bị hoặc câu hỏi cuối bài. |  |  |  |  |
| -Đọc để nhận ra nội dung chính và phát hiện thuật ngữ, các vấn đề khó khăn, khó hiểu để dự định hỏi thầy/cô. |  |  |  |  |
| - Đọc và tìm hiểu mối quan hệ liên quan giữa kiến thức mới với kiến thức đã học. |  |  |  |  |
| - Đọc và đánh dấu những từ ngữ quan trọng trong câu, đoạn kiến thức trong sách. |  |  |  |  |
| - Đọc với thái độ tích cực và có phân tích trọng tâm, nội dung bài, kết nối với bài trước... |  |  |  |  |
| - Đọc và đặt câu hỏi cho các nội dung bài học và tìm ý trả lời cho câuu hỏi đó. |  |  |  |  |
| **Thái độ học tập ở lớp** |  |  |  |  |
| - Chăm chú nghe thầy/cô hướng dẫn, ghi chép đầy đủ những nội dung thầy/cô yêu cầu. |  |  |  |  |
| - Chỉ trả lời khi thầy/cô yêu cầu, không dám hỏi khi có thắc mắc. |  |  |  |  |
| - Sẵn sàng trả lời câu hỏi của thầy/cô nếu biết và sẵn sàng hỏi thầy/cô nếu có thắc mắc. |  |  |  |  |
| - Sẵn sàng tham gia thảo luận nhóm để tìm hiểu kiến thức bài học. |  |  |  |  |
| - Chủ động đưa ra các câu hỏi liên quan đến bài học để nhờ thầy/cô trả lời. |  |  |  |  |

1. **Đánh giá hoạt động Viết. (HS tự đánh giá)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí** **đánh giá** |  **Mức độ**  |
| **Mức 5****(xuất sắc)** | **Mức 4****(Giỏi)** | **Mức 3****(Khá)** | **Mức 2****(Đạt)** | **Mức 1****(Chưa đạt)** |
| Vấn đề bàn luận là thói xấu của con người trong xã hội hiện đại | Có vấn đề bàn luận là thói xấu của con người trong xã hội hiện đại được bàn luận rất rõ ràng, thuyết phục. | Có vấn đề bàn luận làthói xấu của con người trong xã hội hiện đại được bàn luận rất rõ ràng | Có vấn đề bàn luận là thói xấu của con người trong xã hội hiện đại được bàn luận chưarất rõ ràng. | Có vấn đề bàn luận là thói xấu của con người trong xã hội hiện đại được bàn luận còn sơ sài.. | Chưa có vấn đề bàn luận là thói xấu của con người trong xã hội hiện đại. |
|  Nội dung bài nghị luận. | Có luận điểm, luận cứ rõ ràng, lập luận chặt chẽ, đầy sức thuyết phục. | Có luận điểm, luận cứ rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục. | Có luận điểm, luận cứ rõ ràng, lập luận tương đối chặt chẽ, có sức thuyết phục. | Có luận điểm, luận cứ tương đối rõ ràng, lập luận chưa chặt chẽ, chưa có sức thuyết phục | Chưa có luận điểm, luận cứ rõ ràng, lập luận thiếu thuyết phục |
| Hình thức trình bày | - Bố cục rõ ràng, các phần, các đoạn có sự liên kết rất chặt chẽ. | - Bố cục rõ ràng, các phần, các đoạn có sự liên kết khá chặt chẽ. | - Bố cục rõ ràng, các phần, các đoạn có sự liên kết tương đối chặt chẽ. | - Bố cục chưa rõ ràng, các phần, các đoạn chưa có sự liên kết. | Chưa có bố cục rõ ràng, các phần, các đoạn rời rạc, không liên kết.. |
|  Cách diễn đạt. | Diễn đạt bằng ngôn ngữ rất chính xác, khoa học. | Diễn đạt bằng ngôn ngữ chính xác, khoa học. | Diễn đạt bằng ngôn ngữ tương đối chính xác, khoa học. | Diễn đạt bằng ngôn ngữ chưa được chính xác. | Diễn đạt chưa rõ ràng.  |

1. **Đánh giá hoạt động Nói và nghe**. Rubric đánh giá hoạt động Nói và nghe.

 PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI

 Nhóm:…….

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** |
|  | Chưa đạt (0đ) | Đạt (1đ) | Tốt (2 đ) |
| 1. Vấn đề (một thói xấu) trong xã hội hiện đại. | Chưa nêu được vấn đề (một thói xấu) trong xã hội hiện đại. | Đã nêu được vấn đề (một thói xấu), nhưng chưa hay. | Đã nêu được vấn đề (một thói xấu) trong xã hội hiện đại hay và ấn tượng. |
| 2. Nêu được thực trạng, tác hại, nguyên nhân, đối thoại với ý kiến giả định. | Nêu được thực trạng, tác hại,nguyên nhân, đối thoại với ý kiến giả định nhưng sơ sài, chưa hấp dẫn. | Nêu được thực trạng, tác hại,nguyên nhân, đối thoại với ý kiến giả định nhưng chưa rõ để người nghe hiểu. | Nêu được thực trạng, tác hại,nguyên nhân, đối thoại với ý kiến giả định, hấp dẫn, tính giáo dục cao. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. |  Nói nhỏ, khó nghe, nói ngập ngừng, lặp lại nhiều lần. |  Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng vài câu. |  Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hay ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (diệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt…) phù hợp. |  Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm chưa phù hợp. |  Điệu bộ tự tin,nhìn vào người nghe; biểu cảm chưa phù hợp với nội dung vấn đề  |  Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí. |  Không chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói. |  Có chào hỏi, có lời kết thúc bài nói nhưng chưa ấn tượng. |  Chào hỏi, kết thúc bài nói rất ấn tượng. |
|  Tổng điểm:……/10 điểm |

Tiết 66: ĐỌC MỞ RỘNG

Tiết 67,68, 69: ÔN TẬP

Tiết 70,71: THI HỌC KÌ

TIẾT 72: TRẢ BÀI